

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
SỞ TƯ PHÁP



TÀI LIỆU
PHỔ BIẾN VỀ NGÀY PHÁP LUẬT NĂM 2022

Kon Tum, tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

Chuyên đề 1: Mục đích, ý nghĩa và các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	01
Chuyên đề 2: Giới thiệu Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.....	09
Chuyên đề 3: Giới thiệu Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực	33

CHUYÊN ĐỀ 1:

MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HƯỞNG ỨNG NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. SỰ RA ĐỜI CỦA NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Cùng với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống trở thành yêu cầu cấp thiết, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục và hiệu quả với nhiều hình thức, biện pháp phù hợp. Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*sau đây viết tắt là Ngày Pháp luật Việt Nam*) là một trong những hình thức, biện pháp triển khai cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu đó. Ngày Pháp luật Việt Nam bắt nguồn từ sáng kiến của địa phương. Xuất phát từ nhu cầu đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, các tỉnh: Hà Tây (trước đây), Tiền Giang, Long An đã tổ chức triển khai mô hình này với tính chất là một ngày sinh hoạt pháp luật tập trung để cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật. Từ mô hình này, năm 2010, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (nay là Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương) đã hướng dẫn việc nhân rộng trên phạm vi toàn quốc và được đánh giá là một cách làm mới, tích cực, góp phần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật hiện có.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Xuất phát từ vai trò của pháp luật, ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 - Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với những giá trị về tư tưởng pháp quyền, quyền lực thuộc về Nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và thực tiễn triển khai mô hình “*Ngày Pháp luật*”, kết hợp với tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật đã quy định ngày 09 tháng 11 hằng năm là Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (*Điều 8*) - Ngày Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thông qua Hiến pháp năm 1946. Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội. Cụ thể hóa nội dung này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó quy định cụ thể nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong tổ chức triển khai thực hiện Ngày Pháp luật Việt Nam.

II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA CỦA NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật

Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức hằng năm nhằm tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, đề cao giá trị của Hiến pháp, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật cho mọi người trong xã hội. Với ý nghĩa đó, để hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam, các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung hoàn thành tốt các nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật, đồng thời mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, góp phần đưa các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống.

2. Xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ ứng xử phù hợp với pháp luật, tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, tạo lập kỷ cương, phép nước, góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, phổ biến, giáo dục pháp luật và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân

Pháp luật của nước ta đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch; ghi nhận, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp cho mỗi cá nhân và hài hòa lợi ích trong xã hội. Qua việc tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam xây dựng niềm tin, tình cảm, thái độ, hành vi ứng xử phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao ý thức bảo vệ pháp luật của toàn dân. Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm đề cao giá trị con người, xây dựng nhân cách, ý thức làm chủ, tôn trọng kỷ cương, tự do trong khuôn khổ pháp luật; coi trọng các giá trị đạo đức tốt đẹp; ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, xây dựng nếp sống văn hóa. Đây chính là yếu tố tạo nên sự bền vững của ý thức pháp luật, kỷ cương, phép nước. Bên cạnh đó, Nhà nước pháp quyền đòi hỏi một hệ thống pháp luật hoàn thiện. Việc tổ chức Ngày Pháp luật Việt Nam là một trong những điều kiện quan trọng thúc đẩy tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Pháp luật chỉ có thể điều chỉnh tốt nhất hành vi khi được chấp hành một cách tự nguyện, thực sự trở thành nhu cầu tự thân, có ý thức của mỗi người. Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật, tự giác chấp hành Hiến pháp, pháp luật, tích cực tham gia bảo vệ pháp luật; động viên toàn xã hội thi hành pháp luật nghiêm minh.

3. Hướng tới xây dựng văn hóa pháp lý trong toàn xã hội

Văn hóa pháp lý được thể hiện hàng ngày ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, cá nhân và xã hội. Để hình thành văn hóa pháp lý cần phải xây

dựng lối sống theo pháp luật. Ngày Pháp luật Việt Nam góp phần xây dựng lối sống theo pháp luật, tạo lập thói quen tự giác thực hiện, ứng xử theo pháp luật và nâng cao nhận thức pháp luật của mỗi người. Năm 2022 là năm thứ 10 hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam. Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức nhằm tiếp tục lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong xã hội, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành, địa phương; thiết thực chào mừng các sự kiện lớn của đất nước; gắn liền với việc tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20 tháng 6 năm 2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân và Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 80-KL/TW. Việc tổ chức Ngày Pháp luật Việt Nam năm nay là đợt sinh hoạt chính trị - pháp lý sâu rộng, làm cơ sở để triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, thiết thực nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của Bộ, ngành, địa phương, đóng góp thiết thực vào thành quả chung của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM HƯỚNG DẪN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định về nội dung, hình thức và trách nhiệm tổ chức Ngày Pháp luật Việt Nam (Chương II) cụ thể như sau:

1. Về nội dung, Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức để khẳng định vị trí, vai trò của Hiến pháp, pháp luật trong quản lý nhà nước và đời sống xã hội; giáo dục cán bộ, công chức, viên chức và người dân ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; tuyên truyền, phổ biến các quy định của Hiến pháp, pháp luật thiết thực với đời sống của nhân dân, gắn với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; vận động nhân dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng pháp luật, thực thi pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật và nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Về hình thức, việc hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam thông qua các hoạt động: mít tinh; hội thảo; tọa đàm; thi tìm hiểu pháp luật; tuyên truyền, phổ biến pháp luật lưu động; triển lãm và các hình thức khác theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. Về trách nhiệm thực hiện, Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương trong tổ chức triển

khai Ngày Pháp luật Việt Nam. Trong đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày Pháp luật trong phạm vi cả nước. Trên cơ sở đó, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn về nội dung, hình thức tổ chức Ngày Pháp luật; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn nội dung, hình thức tổ chức Ngày Pháp luật cho các tổ chức thành viên. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức Ngày Pháp luật; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu cơ quan Trung ương của các tổ chức thành viên của Mặt trận trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức Ngày Pháp luật cho các hội viên, đoàn viên của tổ chức mình.

IV. NHỮNG MÔ HÌNH, CÁCH THỨC TRIỂN KHAI NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CÓ HIỆU QUẢ CẦN NHÂN RỘNG

1. Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật

Nhiều hội thi, cuộc thi do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức trên quy mô toàn quốc đã trở thành sự kiện chính trị - pháp lý của cả nước, thu hút đông đảo cán bộ, công chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và Nhân dân tham gia như: Cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (năm 2014, năm 2015) có hơn 05 triệu bài dự thi; Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ III (năm 2016); Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật cho học sinh trung học phổ thông (năm 2017) đã thu hút 233.650 học sinh tham gia; Cuộc thi trực tuyến “Pháp luật học đường” (năm 2019) đã thu hút gần 315.000 lượt thí sinh tham gia vòng loại. Một số hội thi có quy mô ngành như: Cuộc thi “Chúng tôi là kiểm sát viên”; Cuộc thi “Chấp hành viên giỏi”; Hội thi Tìm hiểu Luật Giao thông đường bộ... được tổ chức với các hình thức đa dạng.

Ở địa phương, nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tổ chức các cuộc thi, hội thi tìm hiểu pháp luật hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam thu hút sự quan tâm, hưởng ứng tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân với nhiều lứa tuổi, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, dân tộc bằng nhiều hình thức như: thi viết (tìm hiểu Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015, các luật thuế, Luật Biển Việt Nam năm 2012, Luật Giao thông đường bộ năm 2008...); thi sân khấu hoá; thi sáng tác tranh cổ động và khẩu hiệu tuyên truyền pháp luật; thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật...

2. Tổ chức mít tinh, tọa đàm, hội thảo, tập huấn pháp luật hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam

Tổ chức mít tinh hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam được các Bộ, ngành, địa phương (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: Bình Dương, Đồng Tháp, Vĩnh Phúc, Hòa Bình...) áp dụng trong thời gian vừa qua. Nhiều Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức hội thảo, tọa đàm đề thảo luận về các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, thi hành pháp luật; giới thiệu mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật Việt Nam (Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc, Bộ Tư pháp; các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Hậu Giang, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Lào Cai, Quảng Ngãi, Bà Rịa - Vũng Tàu...); tổ chức diễn đàn góp ý dự thảo luật (Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam...); tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật ...

3. Tổ chức Ngày hội pháp luật, đối thoại chính sách pháp luật, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp luật miễn phí

Mô hình Ngày hội pháp luật được thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Vĩnh Phúc... tổ chức thường xuyên, định kỳ trong tuần lễ hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam để tư vấn, giải đáp pháp luật cho người lao động, người sử dụng lao động thông qua các tình huống, vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của người lao động, tổ chức, mang lại nhiều kết quả tích cực. Trong khuôn khổ ngày hội, công nhân, viên chức và người lao động còn được các luật sư, chuyên gia giải đáp các vướng mắc về pháp luật dân sự, pháp luật lao động, đồng thời tư vấn sức khỏe, giới thiệu việc làm... Bên cạnh đó, nhiều Bộ, ngành, địa phương còn tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam...); tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp luật miễn phí (Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư cấp tỉnh và các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước...); hội thảo, tọa đàm đánh giá những bất cập từ thể chế chính sách và vướng mắc từ thực tiễn thi hành pháp luật để đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, sửa đổi, bổ sung, thay thế; tư vấn pháp luật lưu động, phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp tại địa bàn vùng sâu, vùng xa (Sơn La, Nghệ An, Hà Giang...); thực hiện tuần lễ “Lắng nghe ý kiến người nộp thuế” (Tổng cục Thuế); chương trình dân hỏi, giám đốc trả lời (Đồng Nai, Hải Phòng, Bắc Giang, Hòa Bình...).

4. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, các hình thức cổ động trực quan

Các cơ quan truyền thông, báo chí đã xây dựng, phát sóng các chương trình, chuyên trang, chuyên mục hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam. Hàng

năm, trong đợt cao điểm hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam, hoạt động cổ động trực quan được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện khắp mọi miền đất nước, tạo hiệu ứng lớn, thu hút sự quan tâm của xã hội, tập trung vào các chủ đề, khẩu hiệu Ngày Pháp luật Việt Nam của từng năm thông qua triển lãm, hệ thống pa nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu... trên các tuyến đường chính, khu trung tâm, cơ quan, trường học, địa điểm công cộng.

5. Các mô hình hưởng ứng khác hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam

Một số mô hình, cách thức khác hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam đã trở thành việc làm thường xuyên của cơ quan, tổ chức như: mô hình “Mỗi tuần một điều luật” (Bộ Quốc phòng, các tỉnh: Phú Yên, Quảng Nam, Cao Bằng...). Một số mô hình hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam được thực hiện có hiệu quả trong nhà trường như: Trong tuần lễ cao điểm, tổ chức sinh hoạt dưới cờ với chủ đề về Ngày Pháp luật vào thứ Hai đầu tuần; mô hình “Tiết học pháp luật” (tỉnh Long An); mô hình “Công trường trật tự an toàn giao thông”... Nhiều địa phương đã tổ chức chiếu phim lưu động phục vụ cán bộ, Nhân dân tại các xã vùng sâu, vùng xa kết hợp phổ biến pháp luật; tổ chức phiên tòa giả định, xét xử lưu động; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành pháp luật; duy trì sinh hoạt Ngày Pháp luật thường kỳ hàng tháng tại cơ quan, đơn vị, địa phương (Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Sơn La, Ninh Thuận, Bến Tre, Lâm Đồng, Bình Dương, Phú Yên, Kon Tum, Lạng Sơn...). Một số Bộ, ngành, địa phương còn tổ chức nhắn tin điện thoại về nội dung hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam (Bộ Tư pháp phối hợp với Tập đoàn Viễn thông Việt Nam VNPT, Mobifone, Viettel; An Giang...); lồng ghép hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam với thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Xây dựng nông thôn mới” (Kon Tum); tổ chức Ngày Đại đoàn kết tại khu dân cư (Phú Thọ) và nhiều phong trào, hoạt động xã hội khác... Qua theo dõi, các Bộ, ngành, địa phương đều đánh giá cao về hiệu quả từ những cách thức, mô hình nói trên, qua đó đổi mới hình thức hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam nói riêng và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, đưa phổ biến, giáo dục pháp luật đi vào chiều sâu, thực chất.

V. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

Để Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên phạm vi cả nước, các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương cần tập trung thực hiện đồng bộ một số định hướng sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò, ý nghĩa của Hiến pháp và pháp luật

trong quản lý đất nước, phát triển xã hội, tôn vinh Hiến pháp, pháp luật, giáo dục ý thức thượng tôn pháp luật. Việc hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam cần bám sát và cụ thể hoá tinh thần Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện thật tốt Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Luật để phù hợp với thực tiễn, trong đó có các quy định về Ngày Pháp luật Việt Nam.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới, đa dạng nội dung, hình thức tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật Việt Nam theo hướng gắn kết giữa phổ biến, giáo dục pháp luật và xây dựng, thi hành pháp luật, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và yêu cầu đổi mới nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng lấy người dân làm trung tâm để trở thành công việc thường xuyên, hàng ngày của mỗi người. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông, phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông, báo chí, các thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở, cổ động trực quan; chú trọng tổ chức đối thoại chính sách, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý trong hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam.

Thứ ba, thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ Trung ương đến cơ sở, nhất là đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Cán bộ, công chức, viên chức phải có trách nhiệm và nghĩa vụ chủ động trong tìm hiểu và gương mẫu trong thực thi pháp luật; gắn việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ với thông tin, phổ biến pháp luật tới Nhân dân; đồng thời, vận động, khuyến khích công dân tìm hiểu, sử dụng, chấp hành, tuân thủ pháp luật.

Thứ tư, tổ chức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật hướng mạnh về cơ sở, tăng cường sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị và đoàn thể trong triển khai Ngày Pháp luật Việt Nam. Xây dựng và phát triển các mô hình hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam hiệu quả, thiết thực gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và phong trào hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, hướng tới nhóm đối tượng đặc thù theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật để mọi người đều được tham gia học tập, tìm hiểu pháp luật.

Thứ năm, đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa, huy động nguồn lực trong xã hội tham gia vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam nói riêng; phát huy vai trò của nhà trường, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo luật, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, tổ chức hành nghề luật tham gia hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam. Chú trọng kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; làm điểm mô hình, hình thức hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam hiệu quả để từ đó nhân

rộng; đồng thời quan tâm khen thưởng, tôn vinh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành pháp luật./

CHUYÊN ĐỀ 2:

GIỚI THIỆU LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nêu: *“Phát triển cân bằng, đồng bộ thị trường tài chính... Phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn thuế, thẩm định giá...”*.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã nêu nhiệm vụ: *“Hoàn thiện các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm”*.

- Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *“Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”* xác định *“sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro; xây dựng các tiêu chí giám sát nhằm đẩy mạnh công tác hậu kiểm thông qua thanh tra, kiểm tra”*.

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2001 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2010 và năm 2019 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh

bảo hiểm số 61/2010/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 tại kỳ họp thứ 8, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2011; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại kỳ họp thứ 7, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2019). Các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm về cơ bản không làm thay đổi kết cấu, nội dung cơ bản của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 mà chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều để đáp ứng cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm) và Hiệp định đối tác toàn diện tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ).

Đến nay, sau hơn 20 năm thi hành, các chính sách này đã phát huy tác dụng, là căn cứ, cơ sở pháp lý để xây dựng khung khổ pháp lý vững chắc, minh bạch cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp; đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm ngày càng đa dạng của các tổ chức, cá nhân; đảm bảo sự hài hòa giữa quản lý giám sát thận trọng và tạo sự chủ động trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*) còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu, sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp hơn với thực tiễn, cụ thể:

Một là, cơ chế chính sách có những bất cập nhất định.

Một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*) không còn thống nhất, đồng bộ với quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại Bộ Luật Dân sự năm 2015, dẫn đến thiếu những quy định mang tính đặc thù áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia bảo hiểm. Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*) quy định nguyên tắc đối với phần lớn các chính sách trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, nên đôi khi thiếu căn cứ hoặc có những khó khăn nhất định khi thực tế phát sinh. Một số quy định chưa theo kịp với thông lệ quốc tế, các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, trong khi trên thị trường bảo hiểm đã có các doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu trên thế giới và khu vực.

Hai là, thị trường bảo hiểm cũng có những tồn tại.

Tiềm năng thị trường bảo hiểm còn rất lớn; nhu cầu bảo hiểm ngày càng cao, trong khi quy mô thị trường bảo hiểm còn khiêm tốn, với tỉ lệ doanh thu

phí bảo hiểm/GDP còn thấp. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm còn chưa cao. Thông tin và nguồn thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm còn chưa đa dạng, đầy đủ, toàn diện, nên có những tranh chấp phát sinh. Vẫn còn hiện tượng tranh giành khách hàng dưới nhiều hình thức. Có tình trạng phí bảo hiểm chưa tương xứng với rủi ro được bảo hiểm. Hoạt động của đại lý, môi giới bảo hiểm chưa chuyên nghiệp, vẫn còn tình trạng tư vấn bảo hiểm chưa giải thích đầy đủ thông tin về sản phẩm, tìm hiểu chính xác khả năng tham gia bảo hiểm của bên mua bảo hiểm, xúi giục hay ép buộc tham gia bảo hiểm. Một số doanh nghiệp bảo hiểm trong nước có năng lực cạnh tranh thấp do vốn còn nhỏ, quản trị doanh nghiệp yếu, khả năng kiểm soát rủi ro của một số doanh nghiệp bảo hiểm còn hạn chế; chất lượng cán bộ chưa theo kịp và chưa đáp ứng với sự phát triển của thị trường.

Chính vì vậy, ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 (*sau đây viết gọn là Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022*). Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, trừ khoản 3 Điều 86, khoản 4 và khoản 5 Điều 94, Điều 95, khoản 3 và khoản 4 Điều 99, các điều 109, 110, 111, 112, 113, 114 và 116 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2028. Ngày 28 tháng 6 năm 2022, Chủ tịch nước ký Lệnh số 06/2022/L-CTN về việc công bố Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU XÂY DỰNG LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

1. Quan điểm

Thứ nhất, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thứ hai, đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua đổi mới cung cấp dịch vụ, phương thức kinh doanh và phương thức quản lý Nhà nước; công khai, minh bạch, tăng tính chủ động và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt coi trọng chất lượng và sự an toàn của thị trường; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để hình thành một hệ thống thị trường bảo hiểm đồng bộ và thống nhất trong tổng thể thị trường tài chính của đất nước.

Thứ ba, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ

nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Kinh doanh bảo hiểm và các luật khác có liên quan.

2. Mục tiêu

Một là, hoàn thiện quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; xử lý những mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập của Luật Kinh doanh bảo hiểm với các văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội ban hành, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Hai là, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm kết hợp với việc cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, khách hàng, sự an toàn của cả hệ thống, tiết giảm chi phí xã hội.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 gồm 07 chương, 157 điều.

1. Chương I. Những quy định chung

Chương I gồm 14 điều (*từ Điều 1 đến Điều 14*), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm, luật khác có liên quan và tập quán quốc tế; giải thích từ ngữ; chính sách phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm; nguyên tắc cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm; các loại hình bảo hiểm; bảo hiểm bắt buộc; các hành vi bị nghiêm cấm; tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng.

2. Chương II. Hợp đồng bảo hiểm

Chương II gồm 04 mục, 37 điều.

2.1. Mục 1. Quy định chung về hợp đồng bảo hiểm

Mục 1 gồm 18 điều (*từ Điều 15 đến Điều 32*), quy định về: Hợp đồng bảo hiểm; nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm; nội dung của hợp đồng bảo hiểm; hình thức, bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm; điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo

hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; quyền và nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm; trách nhiệm và hậu quả pháp lý do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin; thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm; giải thích hợp đồng bảo hiểm; hợp đồng bảo hiểm vô hiệu; đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm; hậu quả pháp lý của việc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm; chuyển giao hợp đồng bảo hiểm; trách nhiệm trong trường hợp tái bảo hiểm; thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm; thời hạn bồi thường, trả tiền bảo hiểm; phương thức giải quyết tranh chấp.

2.2. Mục 2. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe

Mục 2 gồm 10 điều (*từ Điều 33 đến Điều 42*), quy định về: Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe; quyền lợi có thể được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe; thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm; bảo hiểm tạm thời trong bảo hiểm nhân thọ; đóng phí bảo hiểm nhân thọ; không được yêu cầu người thứ ba bồi hoàn; giao kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho trường hợp chết của người khác; các trường hợp không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm; chỉ định, thay đổi người thụ hưởng; hợp đồng bảo hiểm nhóm.

2.3. Mục 3. Hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại

Mục 3 gồm 14 điều (*từ Điều 43 đến Điều 56*), quy định về: Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; quyền lợi có thể được bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm tài sản, hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; số tiền bảo hiểm; thông báo khi sự kiện bảo hiểm xảy ra; hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị; hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị; hợp đồng bảo hiểm trùng; tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản; căn cứ bồi thường; hình thức bồi thường; giám định tổn thất; chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn; các quy định về an toàn; không được từ bỏ tài sản được bảo hiểm.

2.4. Mục 4. Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm

Mục 4 gồm 05 điều (*từ Điều 57 đến Điều 61*), quy định về: Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm; trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; giới hạn trách nhiệm bảo hiểm; quyền đại diện của người được bảo hiểm; phương thức bồi thường.

3. Chương III. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

Chương III gồm 09 mục, 63 điều.

3.1. Mục 1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Mục 1 gồm 16 điều (*từ Điều 62 đến Điều 77*), quy định về: Các hình thức tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; điều kiện chung cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; điều kiện của thành viên góp vốn thành lập của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn; điều kiện về cơ cấu cổ đông góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm dưới hình thức công ty cổ phần; điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động; thời hạn cấp giấy phép thành lập và hoạt động; thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ nội dung hoạt động; công bố nội dung giấy phép thành lập và hoạt động; điều kiện trước khi chính thức hoạt động; những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo; thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam; cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt, thu hồi giấy phép đặt văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

3.2. Mục 2. Tổ chức hoạt động

Mục 2 gồm 07 điều (*từ Điều 77 đến Điều 83*), quy định về: Tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; điều kiện, tiêu chuẩn đối với người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; nguyên tắc đảm nhiệm chức vụ; đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, chuyên gia tính toán.

3.3. Mục 3. Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro

Mục 3 gồm 03 điều (*từ Điều 84 đến Điều 86*), quy định về: Kiểm soát nội bộ; kiểm toán nội bộ; quản trị rủi ro.

3.4. Mục 4. Hoạt động nghiệp vụ

Mục 4 gồm 04 điều (*từ Điều 87 đến Điều 90*), quy định về: Xây dựng, thiết kế, phát triển và cung cấp sản phẩm bảo hiểm; sản phẩm bảo hiểm có sự hỗ trợ của nhà nước; tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm, đồng bảo hiểm, Quỹ bảo hiểm xe cơ giới, quỹ rủi ro bảo hiểm; hoạt động thuê ngoài.

3.5. Mục 5. Chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm

Mục 5 gồm 03 điều (*từ Điều 91 đến Điều 93*), quy định về: Các trường hợp chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm; điều kiện chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm; thủ tục chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm.

3.6. Mục 6. Tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo tài chính

Mục 6 gồm 15 điều (*từ Điều 94 đến Điều 108*), quy định về: Vốn; tỷ lệ an toàn vốn; kỹ quỹ; dự phòng nghiệp vụ; quỹ dự trữ; quy định chung về đầu tư; đầu tư ra nước ngoài; tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm, phân chia thặng dư; chế độ tài chính; năm tài chính; chế độ kế toán; kiểm toán độc lập; báo cáo và cung cấp thông tin; chuyển lợi nhuận, tài sản ra nước ngoài; quản trị tài chính.

3.7. Mục 7. Khả năng thanh toán và biện pháp can thiệp

Mục 7 gồm 08 điều (*từ Điều 109 đến Điều 116*), quy định về: An toàn tài chính; khả năng thanh toán; biện pháp cải thiện; biện pháp can thiệp sớm; biện pháp kiểm soát; trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp bị áp dụng biện pháp cải thiện, can thiệp sớm, kiểm soát; giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chấm dứt hoạt động chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; phá sản doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

3.8. Mục 8. Công khai thông tin

Mục 8 gồm 04 điều (*từ Điều 117 đến Điều 120*), quy định về: Trách nhiệm công khai thông tin; thông tin công khai định kỳ; thông tin công khai thường xuyên; thông tin công khai bất thường.

3.9. Mục 9. Đề phòng, hạn chế tổn thất, phòng, chống gian lận bảo hiểm

Mục 9 gồm 03 điều (*từ Điều 121 đến Điều 123*), quy định về: Trách nhiệm trong việc đề phòng, hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm; đề phòng, hạn chế tổn thất; phòng, chống gian lận bảo hiểm.

4. Chương IV. Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Chương IV gồm 03 mục, 20 điều.

4.1. Mục 1. Đại lý bảo hiểm

Mục 1 gồm 07 điều (*từ Điều 124 đến Điều 130*), quy định về: Đại lý bảo hiểm; điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm; nội dung hợp đồng đại lý bảo hiểm; nguyên tắc hoạt động của đại lý bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô trong hoạt động đại lý bảo hiểm; quyền và nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm; chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

4.2. Mục 2. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Mục 2 gồm 09 điều (*từ Điều 131 đến Điều 139*), quy định về: Nội dung hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm; điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; tổ chức và hoạt động; những thay đổi phải được chấp thuận hoặc phải thông báo; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; nhân sự, vốn, tài chính, chế độ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; chứng chỉ môi giới bảo hiểm.

4.3. Mục 3. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

Mục 3 gồm 04 điều (*từ Điều 140 đến Điều 143*), quy định về: Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; nguyên tắc cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm; điều kiện cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

5. Chương V. Bảo hiểm vi mô

Chương V gồm 07 điều (*từ Điều 144 đến Điều 150*), quy định về: Đặc điểm của sản xuất bảo hiểm vi mô; xây dựng, thiết kế, phát triển sản phẩm bảo hiểm vi mô; tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô; doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài cung cấp bảo hiểm vi mô; tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; điều kiện cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; nguyên tắc hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

6. Chương VI. Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chương VI gồm 04 điều (*từ Điều 151 đến Điều 154*), quy định về: Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; quyền yêu cầu cung cấp thông tin của Bộ Tài chính trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; thanh tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

7. Chương VII. Điều khoản thi hành

Chương VII gồm 03 điều (*từ Điều 155 đến Điều 157*), quy định về: Sửa đổi, bổ sung Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15; hiệu lực thi hành; điều khoản chuyển tiếp.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

1. So với Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*), Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể như sau:

1.1. Nhóm các điều giữ nguyên

Nhóm các điều giữ nguyên là những điều vẫn phù hợp với thực tế, như quy định về giám định tổn thất, tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, hình thức bồi thường, phương thức bồi thường, thời hạn cấp giấy phép, giấy phép văn phòng đại diện, năm tài chính, chế độ kế toán, thu, chi tài chính...

1.2. Nhóm các điều sửa đổi

Nhóm các điều sửa đổi để phù hợp với thực tiễn, giải quyết những vướng mắc trong thời gian vừa qua, hoặc để phù hợp với hệ thống pháp luật có liên quan, tập trung chủ yếu tại Chương II - Hợp đồng bảo hiểm và một số chương khác (doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, chế độ tài chính, kế toán, đại lý, môi giới bảo hiểm, quản lý nhà nước).

1.3. Nhóm các điều bổ sung

Nhóm các điều bổ sung bao gồm:

a) Những vấn đề có vướng mắc trong thực tiễn nhưng chưa có căn cứ để giải quyết như các quy định về các nguyên tắc giao kết hợp đồng bảo hiểm, về bảo hiểm tạm thời, về người thụ hưởng, về phòng chống gian lận bảo hiểm, về giải quyết tranh chấp...

b) Những quy định chưa được thể hiện tại Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*) nhưng thực tế đã có hoặc thông lệ quốc tế đã có như quản trị rủi ro, ứng dụng công nghệ thông tin, các tình huống và biện pháp xử lý doanh nghiệp bảo hiểm gặp khó khăn về tài chính, vốn trên cơ sở rủi ro, cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước...

c) Những vấn đề đã được quy định tại các văn bản dưới luật và có tính ổn định, nay được luật hóa, như điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động, tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, điều kiện đại lý bảo hiểm...

2. Một số nội dung cơ bản của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022

Trên cơ sở bám sát mục đích, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật Kinh doanh bảo hiểm (*sửa đổi*) và cụ thể hóa 07 nhóm chính sách đề nghị xây dựng dự án Luật Kinh doanh bảo hiểm (*sửa đổi*) đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 121/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2019, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Những quy định chung

a) Về phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh được sửa đổi theo hướng bổ sung quy định về hoạt động quản lý nhà nước đối với kinh doanh bảo hiểm, mặc dù Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*) có điều chỉnh quy định này nhưng chưa nêu tại phạm vi điều chỉnh.

b) Về đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam; bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng; cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm..

c) Về giải thích từ ngữ

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 sửa đổi, chuẩn hóa 06 thuật ngữ, bổ sung 05 thuật ngữ để phù hợp với thực tiễn và pháp luật có liên quan.

d) Về nguyên tắc cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm

Quy định tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có nhu cầu tham gia bảo hiểm chỉ được tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vì mô được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam, trừ trường hợp sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới và giao Chính phủ quy định việc sử dụng và cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới phù hợp với các cam kết quốc tế.

đ) Các loại hình bảo hiểm

Luật sửa đổi theo hướng phân loại thành 03 loại cơ bản theo thông lệ quốc tế là bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe.

e) Về bảo hiểm bắt buộc

Luật sửa đổi theo hướng bãi bỏ:

(i) Bảo hiểm trách nhiệm dân sự của người vận chuyên hàng không đối với hành khách là loại hình bảo hiểm được thực hiện theo Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và thông lệ quốc tế;

(ii) Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với hoạt động tư vấn pháp luật và bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có rủi ro không ảnh hưởng lớn đến lợi ích công cộng và an toàn xã hội, đây là trách nhiệm tổ chức cá nhân đối với hoạt động tư vấn các bên có thể tự thỏa thuận mức trách nhiệm tùy theo năng lực tài chính. Đồng thời giao Chính phủ quy định về điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm.

g) Về hành vi bị nghiêm cấm

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 chỉ quy định các hành vi bị nghiêm cấm điển hình, rõ ràng, có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường chung; không quy định các hành vi bị nghiêm cấm đã được quy định tại các luật khác.

h) Về tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Luật sửa đổi nhằm tạo cơ sở pháp lý để giao trách nhiệm cho tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc phát triển nghề nghiệp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên như ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các nhiệm vụ khác.

i) Về cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Luật bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm tạo cơ sở pháp lý để xây dựng, thu thập, sử dụng, lưu giữ, quản lý và cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm phục vụ cho mục đích quản lý, giám sát và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

k) Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Luật bổ sung nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; đối tượng và hình thức cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng; nguyên tắc cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng.

2.2. Hợp đồng bảo hiểm

Để bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và an toàn cho các giao dịch bảo hiểm, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã sửa đổi quy định hiện hành cũng như bổ sung các quy định mới để đáp ứng sự phát triển của thị trường bảo hiểm nói chung và chế định hợp đồng bảo hiểm nói riêng. Chế định hợp đồng bảo hiểm có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm. Các nội dung sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến hợp đồng bảo hiểm tại Luật Kinh doanh bảo hiểm được thể hiện cụ thể như sau:

a) Các sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan, bao gồm: Nội dung, hình thức, hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm; các trường hợp đơn phương, hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng...

b) Các sửa đổi, bổ sung để chuẩn hóa quy định về hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Phân loại rõ các loại hợp đồng bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm; làm rõ đối tượng được bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm đối với từng loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm thiệt hại, bảo hiểm trách nhiệm, minh bạch trong các thông tin cung cấp, công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ khác đối với cả doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm...

c) Các sửa đổi, bổ sung để tôn trọng quyền tự thỏa thuận giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: bổ sung các nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, quyền thỏa thuận giữa các bên để xây dựng hợp đồng bảo hiểm; bổ sung thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm...

d) Các sửa đổi, bổ sung nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhằm giảm thiểu tranh chấp phát sinh trong thời gian qua, bao gồm: Yêu cầu về trách nhiệm cung cấp thông tin, các vấn đề liên quan đến trả tiền bảo hiểm; bổ sung quy định về hợp đồng bảo hiểm nhóm...

2.3. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam

a) Về cấp giấy phép thành lập và hoạt động

Bổ sung theo hướng mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm sang một số sản phẩm bảo hiểm thuộc lĩnh vực bảo hiểm khác; sửa đổi,

bổ sung điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động nhằm thu hút thêm nhà đầu tư mới theo hướng:

(i) Bổ sung quy định về việc thành lập chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam để chủ động thực hiện các cam kết quốc tế;

(ii) Cho phép các tập đoàn tài chính có hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thành lập doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam;

(iii) Đơn giản điều kiện cho các doanh nghiệp bảo hiểm đã được cấp giấy phép tại Việt Nam muốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm mới;

(iv) Bổ tài liệu về quy tắc, điều khoản, biểu phí tại hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính;

(v) Bổ sung quy định sau khi cấp, sửa đổi, bổ sung hoặc thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, Bộ Tài chính có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở chính để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

(vi) Bổ sung quy định khẳng định nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu cổ phần, phần vốn góp đến 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm để đảm bảo rõ ràng...

b) Về tổ chức hoạt động

Luật bổ sung các quy định về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm các hiện diện thương mại (trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện...), cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, người quản lý, người kiểm soát của doanh nghiệp bảo hiểm doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; các nguyên tắc phân công, đảm nhiệm chức vụ nhằm tránh kiêm nhiệm nhiều, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của bên mua bảo hiểm.

c) Về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro

Luật bổ sung các quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro, đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình, xác định, đánh giá, đo lường, giám sát, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm.

d) Về hoạt động nghiệp vụ

Luật bổ sung các quy định cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động thiết kế, xây dựng sản phẩm bảo hiểm; doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phải đăng kí với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc) nhằm tạo chủ động trong hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp; bổ sung quy định điều kiện trong trường hợp thuê ngoài.

đ) Về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm

Luật sửa đổi quy định về việc chuyển giao hợp đồng bảo hiểm theo hướng bổ sung trường hợp Bộ Tài chính chỉ định nếu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam không đáp ứng yêu cầu về an toàn tài chính, bổ sung các điều kiện chuyển giao theo hướng nếu không đồng ý, bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và nhận lại giá trị hoàn lại/giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí hoặc phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử kì/sinh kỳ thuộc bảo hiểm nhân thọ.

e) Về tài chính, hạch toán kế toán và báo cáo

(i) Về vốn: Luật sửa đổi theo hướng phân loại rõ ràng từng loại vốn của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh, bổ sung khái niệm vốn thực có; bổ sung yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải luôn duy trì tỷ lệ an toàn vốn nhằm đảm bảo vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro của các nhóm rủi ro cơ bản, bao gồm: rủi ro từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro từ hoạt động điều hành chung, rủi ro từ các đối tác khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

(ii) Về dự phòng nghiệp vụ: Luật bổ sung các yêu cầu trích lập dự phòng nghiệp vụ, bao gồm tương ứng với phân trách nhiệm đã cam kết theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm; tách biệt giữa các hợp đồng bảo hiểm giao kết trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và các hợp đồng bảo hiểm giao kết ngoài phạm vi lãnh thổ, kể cả trong cùng một nghiệp vụ, sản phẩm bảo hiểm; phải luôn có tài sản tương ứng với dự phòng nghiệp vụ đã trích lập; phải sử dụng chuyên gia tính toán đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Tài chính để tính toán, trích lập dự phòng nghiệp vụ; phải thường xuyên rà soát, đánh giá việc trích lập dự phòng nghiệp vụ; kịp thời có các biện pháp nhằm đảm bảo trích lập đầy đủ dự phòng để chi trả cho các trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

(iii) Về hoạt động đầu tư: Bãi bỏ quy định về danh mục đầu tư do áp dụng mô hình vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro; bổ sung quy định về các nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc đầu tư và những điều không được làm như đầu tư vào kim loại quý, vào tài sản vô hình, vào chứng khoán phái sinh...

nhằm đảm bảo an toàn, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm; bổ sung quy định về đầu tư ra nước ngoài, định giá tài sản đầu tư.

(iv) Về tách nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn phí bảo hiểm: Bổ sung yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tái bảo hiểm phải tách, ghi nhận và theo dõi riêng đối với nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm thu được của bên mua bảo hiểm; doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, hoạt động đầu tư, kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng; nguồn phí bảo hiểm thu được của bên mua bảo hiểm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài; doanh thu, chi phí, dự phòng, các khoản chi phí tương ứng; phân chia thặng dư đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có chia lãi.

(v) Về kiểm toán độc lập: Được bổ sung nhằm nâng cao trách nhiệm của kiểm toán đối với an toàn tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm theo hướng quy định yêu cầu có ý kiến xác nhận của kiểm toán độc lập hàng năm đối với Báo cáo đánh giá khả năng thanh toán và quản trị rủi ro; bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm: Tuân thủ quy định của pháp luật, sử dụng chuyên gia tính toán; chuyên gia về quản trị rủi ro và các chuyên gia khác tương ứng với nội dung kiểm toán; giải trình, cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động kiểm toán doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong trường hợp có yêu cầu của Bộ Tài chính; Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính trường hợp phát hiện có sai phạm trọng yếu do không tuân thủ pháp luật, có gian lận bảo hiểm hoặc có giao dịch bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn tài chính hoặc quyền lợi của người tham gia bảo hiểm; Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, ..

(vi) Về báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ, báo cáo bất thường: Được bổ sung quy định báo cáo khi xảy ra những diễn biến bất thường có nguy cơ mất khả năng thanh toán, uy tín doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; khi không đáp ứng yêu cầu về tài chính theo quy định nhằm kiểm soát, can thiệp sớm từ phía Bộ Tài chính.

c) Về khả năng thanh toán

Luật bãi bỏ quy định về biên khả năng thanh toán lớn hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo mô hình Biên khả năng thanh toán 1, thay thế bằng quy định tỷ lệ an toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính phù hợp với mô hình vốn tương ứng quy mô và mức độ rủi ro.

d) Về các biện pháp can thiệp

Luật bổ sung quy định về an toàn tài chính, trong trường hợp tỷ lệ an toàn vốn ở mức phải áp dụng biện pháp can thiệp, biện pháp cải thiện sớm, biện pháp kiểm soát, quy định trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát...

đ) Về công khai thông tin

Luật bổ sung yêu cầu công khai thông tin định kỳ (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo khả năng thanh toán và quản trị rủi ro); bổ sung yêu cầu công khai thông tin thường xuyên (thông tin về hồ sơ doanh nghiệp, thông tin về hoạt động nghiệp vụ, thông tin về quản trị doanh nghiệp); bổ sung yêu cầu công khai thông tin bất thường đồng thời giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

e) Về đề phòng hạn chế tổn thất và phòng, chống gian lận bảo hiểm

Luật bổ sung quy định về nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm khi xảy ra tổn thất, quy định về đề phòng, hạn chế tổn thất của doanh nghiệp bảo hiểm; bổ sung quy định doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm xây dựng quy trình khai thác, thẩm định, bồi thường để xác định, đánh giá đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết về người được bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm, người thụ hưởng bảo hiểm, hồ sơ, tài liệu có liên quan trước khi có quyết định bảo hiểm, chi trả tiền/bồi thường bảo hiểm, phòng chống gian lận bảo hiểm, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

2.4. Bảo hiểm vi mô

Luật bổ sung quy định về sản phẩm bảo hiểm vi mô, xây dựng, thiết kế, phát triển sản phẩm bảo hiểm vi mô, tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô, nguyên tắc hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô để tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bảo hiểm vi mô. Quy định về bảo hiểm vi mô cũng đã được rà soát đảm bảo đáp ứng các Hiệp định song phương và đa phương có cam kết về kinh doanh bảo hiểm.

2.5. Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm

a) Về đại lý bảo hiểm

Luật sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, của đại lý bảo hiểm; nguyên tắc hoạt động của đại lý, những điều đại lý bảo hiểm không được làm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

b) Về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

Luật bổ sung khái niệm hoạt động môi giới bảo hiểm (môi giới bảo hiểm gốc, môi giới tái bảo hiểm), quyền của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm...

2.6. Quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm

a) Về cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm

Luật sửa đổi theo hướng gộp quy định về nội dung quản lý nhà nước và cơ quan quản lý nhà nước; bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

trong quản lý, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

b) Về cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước

Luật bổ sung quy định Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài trong việc phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát cùng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2.7. Điều khoản thi hành

Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hoàn thiện hệ thống, đào tạo cán bộ, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 quy định về chuyển tiếp như sau:

(i) Sau 5 năm kể từ ngày Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài phải áp dụng các quy định về vốn, khả năng thanh toán, đầu tư.

(ii) Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Luật này có hiệu lực và còn thời hạn hợp đồng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng bảo hiểm có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng để phù hợp với Luật này và để áp dụng quy định của Luật này.

(iii) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bộ Tài chính quy định chi tiết việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này.

(iv) Chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng.

(v) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

1. Về nhân lực

Khi Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 được thông qua, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng thi hành Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật.

Để tiếp tục nâng cao năng lực cán bộ đáp ứng yêu cầu quản lý, trong những năm qua, Bộ Tài chính đã chủ động quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức thực hiện công tác hoạch định chính sách và quản lý, giám sát bảo hiểm, tập trung vào các chủ đề: Phân tích tài chính, đánh giá rủi ro trong hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, định phí và trích lập dự phòng, quản lý nhà nước, quản trị kinh doanh, nghiệp vụ bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, các kiến thức về hội nhập quốc tế. Ngoài ra, kết hợp với các chương trình hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, Bộ Tài chính có các biện pháp nâng cao chất lượng cán bộ, như đào tạo tại chỗ, tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và thực tập tại cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài.

Như vậy, với điều kiện thực tế hiện nay, Bộ Tài chính có đầy đủ nguồn nhân lực, bộ máy, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, đảm bảo tính khả thi về chính sách.

2. Về kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành

Kinh phí bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành bao gồm:

- (i) Kinh phí xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;
- (ii) Kinh phí cho tổ chức phổ biến, tuyên truyền Luật;
- (iii) Kinh phí tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình thi hành Luật. Các chi phí này không phát sinh đáng kể so với các năm trước vì đây là các công việc quản lý nhà nước thường xuyên.

Kinh phí phát sinh bảo đảm tổ chức thi hành Luật sau khi được ban hành được dự toán và chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Bộ Tài chính.

VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 bao gồm 07 nhóm chính sách lớn:

- (i) Nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về mô hình tổ chức, điều kiện thành lập, hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;
- (ii) Nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về mô hình quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm;
- (iii) Nhóm chính sách về hoàn thiện hợp đồng bảo hiểm, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và an toàn cho các giao dịch bảo hiểm;
- (iv) Nhóm chính sách về khuyến khích sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm chuẩn mực hóa các hoạt động và giao dịch bảo hiểm trên thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hiểm;

(v) Nhóm chính sách về bổ sung, hoàn thiện các quy định về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm;

(vi) Nhóm chính sách về hoàn thiện các quy định về bảo đảm an toàn, đề phòng hạn chế tổn thất, phòng ngừa gian lận bảo hiểm, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp;

(vii) Nhóm chính sách về hoàn thiện quy định về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho phát triển bảo hiểm.

Theo đó, tác động của các nhóm chính sách này đến người dân, doanh nghiệp và xã hội như sau:

1. Về tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện hành

- Quy mô thị trường bảo hiểm Việt Nam còn khiêm tốn, với tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp (khoảng 3%) so với các nước tiên tiến trong khu vực (10%) và trên thế giới (7%), số lượng người tham gia bảo hiểm nhân thọ chiếm khoảng 11% dân số. Trong khi đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, cuộc sống người dân được cải thiện, nhu cầu bảo hiểm trong khu vực công, khu vực công nghiệp, thương mại, hộ gia đình và dân cư đang ngày càng cao và đa dạng đòi hỏi có những sản phẩm bảo hiểm linh hoạt, đa dạng và toàn diện.

Do đó, để đáp ứng các nhu cầu trên, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã cho phép doanh nghiệp bảo hiểm chủ động hơn trong thiết kế, xây dựng và triển khai sản phẩm bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phải đăng ký với Bộ Tài chính phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới (trừ bảo hiểm bắt buộc) thay vì phải được Bộ Tài chính phê chuẩn quy tắc, điều khoản, biểu phí sản phẩm bảo hiểm như trước đây. Quy định mới này không chỉ tăng quyền chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm mà còn giảm thiểu thời gian thực hiện các thủ tục hành chính.

- Chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm còn chưa cao do:

(i) Việc ứng dụng thành tựu công nghệ còn chưa đồng đều, chưa sâu (do các doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư, chưa có quy định cụ thể để làm căn cứ thực hiện);

(ii) Cạnh tranh gay gắt dẫn đến chi phí doanh nghiệp bảo hiểm chi trả cho kênh phân phối lớn, từ đó làm tăng chi phí của người tham gia bảo hiểm và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm bảo hiểm được cung cấp, hoặc cạnh tranh hạ phí bảo hiểm dẫn đến giảm chất lượng dịch vụ khách hàng;

(iii) Đại lý, môi giới bảo hiểm chưa chuyên nghiệp;

(iv) Hiệu quả hoạt động chưa cao do phụ thuộc nhiều vào nhà tái bảo hiểm nước ngoài.

Để tạo thuận tiện và gia tăng cơ hội tiếp cận dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm cho khách hàng phù hợp xu thế cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã có các quy định nhằm khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin để hiện đại hóa hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quản trị doanh nghiệp cũng như phương thức cung cấp sản phẩm bảo hiểm. Theo các quy định này, doanh nghiệp bảo hiểm được chủ động cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng, các tổ chức phân phối dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm qua mạng được xác định vị trí pháp lý rõ ràng, việc cung cấp sản phẩm dịch vụ qua mạng cũng phải đáp ứng các điều kiện nhất định, qua đó bảo vệ quyền lợi người tham gia bảo hiểm.

Ngoài ra, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã có các quy định về nhằm hạn chế cạnh tranh không lành mạnh như cấm đe dọa, cưỡng ép giao kết hợp đồng bảo hiểm, bổ sung quy định về điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm, quy định về nguyên tắc hoạt động của đại lý, những điều đại lý bảo hiểm không được làm, bổ sung khái niệm hoạt động môi giới bảo hiểm, quyền của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, nguyên tắc hoạt động môi giới bảo hiểm để nhằm chuẩn hóa hoạt động phân phối bảo hiểm.

- Một số doanh nghiệp bảo hiểm trong nước có năng lực cạnh tranh thấp do vốn còn nhỏ, quản trị doanh nghiệp yếu, khả năng kiểm soát rủi ro của một số doanh nghiệp bảo hiểm còn hạn chế; chất lượng cán bộ chưa theo kịp và chưa đáp ứng với sự phát triển của thị trường.

Để đáp ứng yêu cầu của việc đổi mới mô hình quản lý giám sát theo hướng hiện đại, tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế, Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã bổ sung quy định đổi mới quản lý tài chính doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm tự xác định vốn trên cơ sở rủi ro và doanh nghiệp bảo hiểm phải duy trì vốn thực có cao hơn so với vốn trên cơ sở rủi ro theo quy định của Bộ Tài chính; bổ sung các quy định về chuẩn hóa cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp bảo hiểm, người quản lý, người giám sát; yêu cầu doanh nghiệp xây dựng và thực hiện quản trị rủi ro, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị tài chính; tăng cường công khai thông tin.

- Hoạt động đầu tư (công cụ đầu tư chưa đa dạng), cùng với sự phát triển của thị trường bảo hiểm, nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế từ ngành bảo hiểm ngày càng lớn. Để đảm bảo hiệu quả đầu tư, đáp ứng các cam kết với khách hàng tham gia bảo hiểm trong dài hạn, doanh nghiệp bảo hiểm đang có nhu cầu đầu tư vào nhiều tài sản khác nhau, thời hạn đa dạng và chi phí hợp lý.

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 cho phép doanh nghiệp chủ động trong lựa chọn tài sản đầu tư, đầu tư một phần vốn ra nước ngoài phù hợp với năng lực tài chính và khả năng quản trị rủi ro của mình. Quy định về đầu tư này

phù hợp với việc áp dụng mô hình quản lý vốn tương ứng với quy mô và mức độ rủi ro của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Luật cũng bổ sung quy định về các nguồn vốn đầu tư, nguyên tắc đầu tư, những điều không được làm như đầu tư vào kim loại quý, vào tài sản vô hình... nhằm đảm bảo an toàn, phù hợp với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Quy định hiện hành yêu cầu doanh nghiệp công khai, minh bạch thông tin chưa đầy đủ, còn thiếu các thông tin mang tính cập nhật hoặc thông tin về các tình huống có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu về phòng, chống rửa tiền theo khuyến cáo của Nhóm châu Á Thái Bình Dương về phòng chống rửa tiền (APG).

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã hoàn thiện các quy định về công khai thông tin của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm nâng cao tính minh bạch và dễ tiếp cận của thông tin. Theo đó, Luật phân nhóm và yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện công khai thông tin định kỳ, công khai thông tin thường xuyên, công khai thông tin bất thường; quy định về các phương thức công khai thông tin và thời hạn công khai thông tin. Bên cạnh đó, Luật cũng bổ sung quy định về nội dung công khai thông tin nhằm đáp ứng các yêu cầu của APG.

- Một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (*sửa đổi, bổ sung năm 2010, năm 2019*) không còn thống nhất, đồng bộ với quy định mới được sửa đổi, bổ sung tại các văn bản pháp luật có liên quan như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Doanh nghiệp năm 2020. Đồng thời, còn thiếu những quy định mang tính đặc thù áp dụng cho lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ kinh doanh bảo hiểm, như hợp đồng bảo hiểm, đặc biệt là trong thời đại cách mạng công nghiệp, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực bảo hiểm, gian lận bảo hiểm...

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã sửa đổi, bổ sung quy định về hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng vô hiệu, đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng; bãi bỏ quy định về thời hiệu khởi kiện, thời điểm phát sinh trách nhiệm của hợp đồng... để đảm bảo thống nhất với Bộ luật Dân sự năm 2015, để áp dụng trên thực tế; phân loại rõ các loại hợp đồng bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm; quy định rõ đối tượng được bảo hiểm, quyền lợi được bảo hiểm đối với từng loại hợp đồng bảo hiểm; nâng cao trách nhiệm của các chủ thể tham gia hợp đồng bảo hiểm trong việc cung cấp thông tin; bổ sung các quy định về nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm; quyền thỏa thuận giao kết nhiều loại hợp đồng bảo hiểm; bổ sung thời gian cân nhắc tham gia bảo hiểm nhân thọ... để bảo đảm quyền tự thỏa thuận giữa các bên trong giao kết hợp đồng bảo hiểm; bổ sung quy định về hình thức giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án.

- Quản lý nhà nước còn trên cơ sở tuân thủ, phê chuẩn trước khi thực hiện, chỉ can thiệp sau khi có sự việc xảy ra; thiếu sự liên kết hợp tác giữa các

cơ quan quản lý trong việc triển khai các chương trình bảo hiểm của Chính phủ.

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; bổ sung quy định Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý bảo hiểm nước ngoài trong việc phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam; thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin quản lý, giám sát cùng với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

2. Cơ hội và thách thức sau khi Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 có hiệu lực

2.1. Cơ hội

Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 đã có những thay đổi cơ bản nhằm kiến tạo thị trường và tạo cơ hội cho thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh, chuyên nghiệp, cụ thể:

- Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp bảo hiểm.

Môi trường pháp lý được cải thiện theo hướng thông thoáng hơn sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài như các tập đoàn tài chính, bảo hiểm cũng như các nhà đầu tư trong nước có tiềm lực kinh tế lớn. Đây cũng là cơ sở để thị trường bảo hiểm tăng trưởng do nhiều doanh nghiệp tham gia hơn sẽ cung cấp nhiều sản phẩm đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng.

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tăng cơ hội kinh doanh và doanh thu do được chủ động phát triển sản phẩm bảo hiểm mới. Đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sẽ tiết kiệm chi phí nhân sự, vận hành bộ máy bán hàng, tăng lợi ích kinh tế.

- Việc chuyển đổi sang mô hình vốn trên cơ sở rủi ro góp phần nâng cao tính an toàn tài chính, an toàn hệ thống của thị trường bảo hiểm. Thị trường bảo hiểm sẽ minh bạch hơn do có các quy định rõ ràng về công khai thông tin.

- Việc thay đổi phương thức quản lý giám sát từ can thiệp sau sang can thiệp sớm sẽ góp phần hạn chế số doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

- Việc hoàn thiện quy định về hợp đồng bảo hiểm theo hướng tăng tính minh bạch về sản phẩm (từ phía doanh nghiệp bảo hiểm) và đối tượng được bảo hiểm (từ phía bên mua bảo hiểm), nhằm giảm tranh chấp có thể phát sinh, tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, an toàn.

2.2. Thách thức

Việc áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 cũng có thể tạo ra những thách thức sau:

- Số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm ngày càng nhiều, đồng thời việc minh bạch hóa thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đa chiều của doanh nghiệp bảo hiểm sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, doanh nghiệp bảo hiểm phải đầu tư thiết lập bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo và tuyển dụng nhân sự đáp ứng các yêu cầu về trình độ đối với các chức danh quản lý của doanh nghiệp.

- Cơ quan quản lý bảo hiểm cũng phải cải thiện hệ thống quản lý, đào tạo nhân viên để đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu về mô hình quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro.

VI. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

1. Về ban hành văn bản hướng dẫn

Trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan chủ trì ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, bao gồm:

1.1. 03 Nghị định của Chính phủ, gồm:

(i) Nghị định quy định chi tiết Luật Kinh doanh bảo hiểm, bao gồm cả nội dung quy định chi tiết khoản 2 Điều 88 Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023);

(ii) Nghị định hướng dẫn triển khai bảo hiểm vi mô (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023);

(iii) Nghị định quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023).

1.2. 05 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính, gồm:

(i) Thông tư hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023);

(ii) Thông tư quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023);

(iii) Thông tư quy định chi tiết về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2023);

(iv) Thông tư quy định chi tiết về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2028);

(v) Thông tư quy định chi tiết về an toàn vốn (hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2028).

2. Tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân

Triển khai Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, nhằm đảm bảo quyền được thông tin về pháp luật của công dân, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện những công việc sau:

2.1. Đăng tải, cập nhật toàn văn nội dung Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng khi có nhu cầu.

2.2. Tổ chức biên soạn tài liệu giới thiệu Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022; quán triệt, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu nội dung và tinh thần của Luật Kinh doanh bảo hiểm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.

2.3. Thông tin, phổ biến rộng rãi nội dung của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 cho các đối tượng chịu tác động trực tiếp của luật bằng hình thức phù hợp, cùng với việc ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai thực hiện, bố trí nguồn lực bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

2.4. Phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để truyền thông các chính sách và những thay đổi lớn của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 bằng nhiều hình thức khác nhau như tin bài viết, tổ chức tọa đàm, phóng sự.../.

CHUYÊN ĐỀ 3:

GIỚI THIỆU HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN KHU VỰC

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (*tiếng Anh: Regional Comprehensive Economic Partnership, viết tắt là RCEP*) giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (*tiếng Anh: Association of South East Asian Nations, viết tắt là ASEAN*) và 06 đối tác đã có Hiệp định thương mại tự do (*tiếng Anh: Free Trade Area, viết tắt là FTA*) với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand bắt đầu đàm phán từ ngày 09 tháng 5 năm 2013. Tháng 11 năm 2019, các nước thành viên đã cơ bản hoàn tất đàm phán văn kiện RCEP (trừ Ấn Độ - đã tuyên bố rút khỏi Hiệp định này).

Ngày 15 tháng 11 năm 2020, 15 nước thành viên RCEP (trừ Ấn Độ) đã ký kết RCEP. Hiệp định này chính thức có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày được thông qua bởi ít nhất 06 nước thành viên ASEAN và 03 nước thành viên không thuộc ASEAN. Đến ngày 02 tháng 11 năm 2021, đã có 06 nước ASEAN, trong đó có Việt Nam và 04 nước đối tác là Trung Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand nộp lưu chiểu văn kiện phê duyệt/phê chuẩn Hiệp định RCEP của mình cho Tổng Thư ký ASEAN. Như vậy, Hiệp định RCEP chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

RCEP là một hiệp định nhằm mở rộng và làm sâu sắc hơn sự gắn kết giữa ASEAN và Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand. Tổng các nước tham gia RCEP chiếm khoảng 30% GDP toàn cầu và 30% dân số thế giới. Mục tiêu của Hiệp định RCEP là thiết lập một nền tảng quan hệ đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và cùng có lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và đầu tư trong khu vực, đồng thời đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu. Theo đó, Hiệp định sẽ mang lại cơ hội thị trường và việc làm cho doanh nghiệp và người dân trong khu vực. Hiệp định RCEP sẽ song hành và hỗ trợ một hệ thống thương mại đa phương cởi mở, bao hàm và dựa trên các quy tắc.

1. Các đặc điểm chính của Hiệp định RCEP

1.1. Hiện đại

Hiệp định RCEP là một hiệp định không chỉ được xây dựng cho hiện tại mà còn là một hiệp định cho tương lai. Hiệp định tổng hợp phạm vi của các FTA ASEAN+1 hiện có (các FTA của ASEAN với năm đối tác đối thoại) và cân nhắc về những thực tiễn thương mại mới nổi hoặc đang thay đổi, bao gồm thời đại của thương mại điện tử, tiềm năng của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ

và vừa, sự phát triển sâu rộng của chuỗi giá trị khu vực và sự phức tạp của cạnh tranh thị trường. Hiệp định RCEP được xây dựng và bổ sung thêm dựa trên Hiệp định WTO, trong những lĩnh vực mà các bên đã đồng ý cập nhật hoặc vượt ra ngoài các điều khoản của Hiệp định.

1.2. Toàn diện

Hiệp định RCEP là toàn diện, cả về phạm vi và chiều sâu của các cam kết. Về phạm vi, Hiệp định RCEP có 20 chương và bao gồm nhiều lĩnh vực trước đây chưa được đề cập trong các FTA ASEAN+1. Hiệp định RCEP có các điều khoản cụ thể liên quan đến thương mại hàng hóa, bao gồm cả quy tắc xuất xứ; thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại; các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá mức độ phù hợp và phòng vệ thương mại. Hiệp định cũng đề cập đến thương mại dịch vụ, bao gồm các điều khoản cụ thể về dịch vụ tài chính; dịch vụ viễn thông; các dịch vụ chuyên nghiệp và sự di chuyển tạm thời của các thể nhân. Ngoài ra, Hiệp định còn có các chương về đầu tư; sở hữu trí tuệ; thương mại điện tử; cạnh tranh; doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME); hợp tác kinh tế và kỹ thuật; mua sắm công và các lĩnh vực thể chế pháp lý, bao gồm giải quyết tranh chấp. Về tiếp cận thị trường, Hiệp định RCEP đạt được tự do hóa trong thương mại hàng hóa và dịch vụ và mở rộng phạm vi cam kết về đầu tư.

1.3. Chất lượng cao

Hiệp định RCEP có các điều khoản vượt ra ngoài khuôn khổ các FTA ASEAN+1 hiện có, đồng thời ghi nhận mức độ phát triển và nhu cầu kinh tế riêng lẻ và đa dạng của các bên tham gia RCEP. Hiệp định RCEP giải quyết các vấn đề cần thiết để hỗ trợ các bên tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực, đồng thời bổ sung các cam kết tiếp cận thị trường với những quy tắc cho phép mở cửa thương mại và đầu tư nhằm tạo thuận lợi cho kinh doanh đồng thời với duy trì các mục tiêu chính sách công hợp pháp. Hiệp định RCEP cố gắng thúc đẩy cạnh tranh bằng cách thúc đẩy tăng năng suất bền vững, có trách nhiệm và mang tính xây dựng. Ngoài ra, Hiệp định RCEP còn có giá trị khác là tập hợp một bộ quy tắc giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và mở rộng chuỗi cung ứng khu vực giữa các bên.

1.4. Đôi bên cùng có lợi

Hiệp định RCEP bao gồm các quốc gia có trình độ phát triển đa dạng. Do đó, các bên tham gia RCEP đã công nhận rằng sự thành công của Hiệp định sẽ được quyết định bởi khả năng mang lại lợi ích lẫn nhau của các bên. Hiệp định RCEP được thiết kế để đạt được mục tiêu này theo một số cách, bao gồm thông qua các hình thức linh hoạt phù hợp và các quy định về đối xử đặc biệt và khác biệt, cụ thể là đối với Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam, nếu

thích hợp, và linh hoạt thêm cho các bên kém phát triển. Ngoài ra, Hiệp định RCEP còn bao gồm hợp tác kỹ thuật và nâng cao năng lực để hỗ trợ việc thực hiện các cam kết, giúp các bên tối đa hóa lợi ích có được từ Hiệp định này. Hiệp định RCEP cũng bao gồm các điều khoản đảm bảo rằng các nền kinh tế có trình độ phát triển khác nhau, các doanh nghiệp có quy mô khác nhau và đối tượng khác rộng hơn đều có thể hưởng lợi ích từ Hiệp định.

2. Tóm tắt Hiệp định RCEP

Dưới đây là nội dung tóm tắt 20 chương của Hiệp định RCEP. Các Phụ lục đính kèm theo Hiệp định hoặc các chương sẽ liên quan đến thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, di chuyển tạm thời của thể nhân, quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, mua sắm công và các quy định về thể chế.

2.1. Chương 1. Các điều khoản ban đầu và định nghĩa chung

Chương về các điều khoản ban đầu và định nghĩa chung đưa ra các mục tiêu của Hiệp định RCEP, đó là thiết lập một quan hệ đối tác kinh tế hiện đại, toàn diện, chất lượng cao cùng có lợi nhằm tạo thuận lợi cho việc mở rộng thương mại và đầu tư trong khu vực, đóng góp vào tăng trưởng và phát triển kinh tế toàn cầu, đồng thời có cân nhắc tới giai đoạn phát triển và nhu cầu kinh tế của các bên, đặc biệt là đối với các bên là nước kém phát triển. Chương này cũng bao gồm các định nghĩa chung.

2.2. Chương 2. Thương mại hàng hóa

Chương về thương mại hàng hóa đề cập tới các yếu tố chính chi phối việc thực hiện các cam kết liên quan đến hàng hóa nhằm đạt được mức độ tự do hóa thương mại cao giữa các bên. Chúng bao gồm việc cấp phép đối xử quốc gia đối với hàng hóa của các bên khác; giảm hoặc xóa bỏ thuế hải quan; miễn thuế nhập hàng tạm thời; tái khẳng định các cam kết trong quyết định của Hội nghị Bộ trưởng WTO về cạnh tranh xuất khẩu, bao gồm cả việc loại bỏ các quyền trợ cấp xuất khẩu theo lịch trình đối với hàng hóa nông nghiệp.

Chương này cũng đưa ra các quy tắc để xác định việc áp dụng các biện pháp thuế quan, trong trường hợp một bên áp dụng các mức ưu đãi thuế quan khác nhau.

Ngoài ra, chương này bao gồm các điều khoản về các biện pháp phi thuế quan bổ sung cho các cam kết tự do hóa thuế quan. Các điều khoản bao gồm việc loại bỏ chung các hạn chế định lượng, minh bạch hơn trong việc áp dụng các biện pháp phi thuế quan, quản lý các thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu và việc áp dụng các loại phí, thủ tục liên quan đến xuất nhập khẩu.

Cuối cùng, chương này cũng đưa ra quy trình để các bên tiến hành tham vấn kỹ thuật về các biện pháp phi thuế quan có ảnh hưởng xấu đến thương mại, và cũng cung cấp khả năng thực hiện các công việc trong tương lai đối với các sáng kiến cụ thể của ngành nhằm tạo thuận lợi lớn hơn cho thương mại.

2.3. Chương 3. Quy tắc xuất xứ (ROO)

Chương ROO xác định hàng hóa nào có xuất xứ theo Hiệp định RCEP và do đó đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan.

Chương ROO có hai phần: (i) Phần A: Quy tắc xuất xứ và (ii) Phần B: Thủ tục chứng nhận hoạt động.

Các điều khoản về hàng hóa có xuất xứ và hàng hóa có xuất xứ thuần túy và Phụ lục về quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng (PSR) đưa ra các yêu cầu để xác định tình trạng xuất xứ của hàng hóa. Chương này cũng liệt kê các công đoạn gia công chế biến đơn giản mà hàng hóa sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ và trải qua các công đoạn này vẫn chưa đủ điều kiện để được xác nhận là có xuất xứ. Dựa trên cơ sở địa lý của các quốc gia trong RCEP, các bên đảm bảo rằng Chương ROO bao gồm các quy tắc vận chuyển trực tiếp rõ ràng để hàng hóa có xuất xứ không bị mất đi trạng thái có xuất xứ một cách không phù hợp. Nếu một hàng hóa không đáp ứng được quy tắc chuyển đổi phân loại mã HS trong PSR, thì chương này sẽ đưa ra các quy tắc tối thiểu nhất định để hàng hóa nếu đáp ứng được thì vẫn có thể duy trì tình trạng có xuất xứ. Các yếu tố khác được đề cập trong Phần A: Quy tắc xuất xứ bao gồm các biện pháp áp dụng cho việc đóng gói, vật liệu đóng gói và thùng chứa để vận chuyển và gửi hàng, các biện pháp áp dụng cho các phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ. Phần B: Thủ tục chứng nhận hoạt động cung cấp các thủ tục chi tiết để xin chứng nhận xuất xứ của RCEP, yêu cầu ưu đãi thuế quan và xác minh tình trạng xuất xứ của hàng hóa. Một điểm cải tiến so với các FTA của ASEAN+1 đó là Hiệp định có đưa vào Mục tự chứng nhận xuất xứ của các nhà xuất khẩu được chấp thuận và việc tự chứng nhận xuất xứ của tất cả các nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất mà cam kết đó sẽ được thực thi trong một khoảng thời gian nhất định sau ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực đối với mỗi bên, bên cạnh giấy chứng nhận xuất xứ truyền thống. Chương ROO có hai phụ lục: (i) Quy tắc cụ thể về sản phẩm, bao gồm tất cả các dòng thuế ở cấp HS 6 chữ số và (ii) Các yêu cầu thông tin tối thiểu, liệt kê thông tin cần thiết cho giấy chứng nhận xuất xứ hoặc tự chứng nhận xuất xứ.

2.4. Chương 4. Thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại (CPTF)

Chương CPTF nhằm đảm bảo khả năng dự đoán, tính nhất quán và tính minh bạch trong việc áp dụng các luật và quy định hải quan, đồng thời thúc đẩy

quản lý hiệu quả các thủ tục hải quan và thông quan hàng hóa nhanh chóng. Đối với các lô hàng chuyên phát nhanh và hàng hóa dễ hư hỏng, Hiệp định kỳ vọng rằng những hàng hóa này sẽ được thông quan trong vòng sáu giờ kể từ khi hàng hóa cập bến và nộp các tài liệu cần thiết. Bất chấp mức độ phát triển khác nhau của các bên, Chương CPTF bao gồm một số yếu tố vượt ra ngoài Hiệp định tạo thuận lợi thương mại (TFA) của WTO. Mục tiêu của chương này là đơn giản hóa các thủ tục hải quan và hài hòa hóa thủ tục hải quan với các tiêu chuẩn quốc tế. Chương CPTF cũng quy định các điều khoản tăng cường tạo thuận lợi thương mại như: Văn bản xác định trước dựa trên phân loại thuế quan, quy tắc xuất xứ, định giá hải quan và thời gian ban hành văn bản xác định trước; khoảng thời gian thông quan hàng hóa (phạm vi có thể trong vòng 48 giờ kể từ khi hàng hóa cập bến và đã cung cấp thông tin cần thiết); cung cấp các biện pháp tạo thuận lợi thương mại bổ sung liên quan đến các thủ tục và quy trình nhập khẩu, xuất khẩu hoặc quá cảnh cho các nhà điều hành đáp ứng các tiêu chí cụ thể (nhà điều hành được ủy quyền) và một cách tiếp cận quản lý rủi ro để kiểm soát hải quan và kiểm toán sau thông quan. Nhận thấy rằng các bên có mức độ sẵn sàng khác nhau khi thực hiện một số cam kết, đặc biệt là những cam kết vượt ra ngoài TFA, chương này cho phép các quốc gia thực thi cam kết theo từng giai đoạn. Chi tiết về việc thực hiện cam kết theo giai đoạn được quy định trong Phụ lục của chương này.

2.5. Chương 5. Các biện pháp vệ sinh thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)

Chương SPS đưa ra khuôn khổ cơ bản để phát triển, thông qua và áp dụng các biện pháp SPS nhằm mục đích bảo vệ đời sống hoặc sức khỏe con người, động vật, thực vật cũng như thuận lợi hóa thương mại bằng cách giảm thiểu các tác động tiêu cực của các biện pháp SPS trong thương mại. Mặc dù các bên đã khẳng định quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định WTO về áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (Hiệp định SPS), một số điều khoản trong RCEP đã được thống nhất nhằm tăng cường việc thực hiện Hiệp định SPS, có tính đến các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế liên quan đến sự tương đương, thích ứng với các điều kiện khu vực, bao gồm các khu vực sạch sâu bệnh và khu vực ít dịch hại hoặc dịch bệnh, phân tích rủi ro, đánh giá, chứng nhận, kiểm tra nhập khẩu và các biện pháp khẩn cấp. Mục tiêu của chương này nhấn mạnh tầm quan trọng của tính minh bạch, hợp tác và xây dựng năng lực, tham vấn kỹ thuật trong việc giải quyết các vấn đề SPS. Chương Giải quyết tranh chấp không được áp dụng cho chương này, dù vậy việc không áp dụng giải quyết tranh chấp phải được xem xét lại hai năm sau khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

2.6. Chương 6. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp (STRACAP)

Chương STRACAP không chỉ hướng đến tăng cường việc thực hiện Hiệp định WTO về Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT) mà còn công nhận và chấp nhận sự cách hiểu chung về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp của mỗi bên, đồng thời tăng cường trao đổi thông tin và hợp tác trong lĩnh vực này. Các mục tiêu này sẽ đạt được thông qua các điều khoản:

(i) Công nhận vai trò quan trọng của các tiêu chuẩn, hướng dẫn và khuyến nghị quốc tế trong việc giảm bớt các rào cản kỹ thuật không cần thiết trong thương mại;

(ii) Đảm bảo rằng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp là nhất quán với các quy định liên quan của Hiệp định TBT;

(iii) Công nhận tầm quan trọng của việc cùng chấp nhận kết quả của các thủ tục đánh giá sự phù hợp;

(iv) Cùng cố quá trình minh bạch hóa;

(v) Thừa nhận sự hợp tác song phương hoặc đa phương cùng có lợi cho các bên.

Tương tự như Chương SPS, Chương STRACAP cũng nhấn mạnh nhu cầu hợp tác, chỉ định các đầu mối liên hệ và thảo luận kỹ thuật để giải quyết các vấn đề triển khai liên quan đến việc thực hiện chương này. Chương Giải quyết tranh chấp không áp dụng cho Chương STRACAP, dù vậy việc không áp dụng giải quyết tranh chấp sẽ được xem xét lại hai năm sau khi Hiệp định RCEP có hiệu lực.

2.7. Chương 7. Phòng vệ thương mại

Chương Phòng vệ thương mại bao gồm 02 phần: (i) Các biện pháp tự vệ; (ii) Thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp.

Mục các biện pháp tự vệ cung cấp cho các bên một cơ chế chuyển tiếp để giải quyết thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa gây ra bởi cam kết trong Hiệp định RCEP, tùy thuộc vào các điều kiện và yêu cầu được xác định rõ ràng, bao gồm cả việc thực hiện các cuộc điều tra thích hợp như cũng như thông báo sớm và đầy đủ cho các bên liên quan về cơ hội tham vấn. Bên cạnh đó, phần các biện pháp tự vệ cũng tái khẳng định quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định trong Hiệp định về Biện pháp tự vệ của WTO liên quan đến các biện pháp tự vệ toàn cầu.

Mục thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp tái khẳng định và xây dựng dựa trên quyền và nghĩa vụ của các Bên được quy định theo các Hiệp định liên quan trong WTO.

Chương này cũng bao gồm một phụ lục về những hành động liên quan đến thủ tục thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp được một số bên thực hiện và có thể thúc đẩy các mục tiêu về minh bạch và đúng quy trình trong thủ tục phòng vệ thương mại. Mặc dù không bên nào có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Mục thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp, việc áp dụng giải quyết tranh chấp đối với Mục này có khả năng sẽ được cân nhắc trong quá trình xem xét chung của Hiệp định RCEP.

2.8. Chương 8. Thương mại Dịch vụ

Chương Thương mại dịch vụ nhằm mục đích mở ra các con đường lớn hơn cho thương mại dịch vụ giữa các bên thông qua việc loại bỏ một cách đáng kể các biện pháp hạn chế và phân biệt đối xử ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ. Chương này bao gồm các điều khoản hiện đại và toàn diện bao gồm các quy tắc về tiếp cận thị trường, đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc và hiện diện thương mại, tuân theo Biểu cam kết cụ thể của các bên hoặc Biểu các biện pháp bảo lưu và biện pháp không tương thích, cùng với các cam kết bổ sung. Theo quy định tại chương này, các bên phải lập danh sách các cam kết dịch vụ của mình theo phương thức tiếp cận “chọn-bỏ”, vào ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực hoặc trong một khoảng thời gian xác định sau ngày Hiệp định RCEP có hiệu lực. Phương thức tiếp cận “chọn-bỏ” đối với các cam kết dịch vụ theo Hiệp định RCEP mang lại sự chắc chắn hơn cho các nhà cung cấp dịch vụ của các bên thông qua việc cung cấp thông tin về các biện pháp và quy định hiện hành của mỗi bên. Chương này cũng bao gồm các quy định về tính hợp lý, khách quan và công bằng của các điều luật nội địa ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ, vượt ra ngoài các quy định tương đương trong các FTA ASEAN+1 hiện có.

Phụ lục về dịch vụ tài chính thúc đẩy tự do hóa các dịch vụ tài chính trong khu vực đồng thời cung cấp một biện pháp tự vệ an toàn chắc chắn, cho phép các cơ quan quản lý tài chính áp dụng các biện pháp để duy trì tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống tài chính. Ngoài các nghĩa vụ được quy định trong Chương Thương mại dịch vụ, Phụ lục quy định các nghĩa vụ cụ thể về việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chẳng hạn như các nghĩa vụ để các bên đảm bảo tính minh bạch của các quy định tài chính, khuyến khích các bên cho phép cung cấp các dịch vụ tài chính mới, và cam kết các bên không ngăn cản việc chuyển giao thông tin và xử lý thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh thông thường. Phụ lục cũng cung cấp một phương thức tham vấn để thảo luận hoặc giải quyết các vấn đề liên quan đến dịch vụ tài chính.

Phụ lục về Dịch vụ viễn thông tạo ra một khuôn khổ các quy tắc thích hợp để kinh doanh các dịch vụ viễn thông công cộng. Mặc dù tất cả các FTA ASEAN+1 hiện có với các đối tác riêng lẻ đều bao gồm Phụ lục về Dịch vụ viễn thông, các nghĩa vụ bổ sung đã được đưa vào Hiệp định RCEP liên quan đến:

- (i) Phương pháp tiếp cận với pháp luật;
- (ii) Hệ thống cấp quang biên quốc tế;
- (iii) Tách nhóm các phần tử mạng;
- (iv) Khả năng tiếp cận các cực, các dây dẫn;
- (v) Chuyển vùng di động quốc tế;
- (vi) Sự linh hoạt trong việc lựa chọn công nghệ, trong số những yếu tố khác.

Các nghĩa vụ bổ sung này nhằm khuyến khích sự hợp tác lớn hơn theo hướng tăng cường xương sống của cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và hỗ trợ và tạo thuận lợi cho thương mại dịch vụ giữa các bên.

Phụ lục về Dịch vụ chuyên nghiệp cung cấp một con đường cho các bên để tạo điều kiện thuận lợi tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp trong khu vực. Phụ lục bao gồm triển vọng tăng cường đối thoại giữa hai hoặc nhiều bên liên quan đến việc công nhận trình độ chuyên môn và khuyến khích các cơ quan liên quan đàm phán các thỏa thuận công nhận lẫn nhau về trình độ chuyên môn, cấp phép hoặc đăng ký trong các lĩnh vực dịch vụ chuyên nghiệp mà các bên cùng quan tâm. Phụ lục cũng khuyến khích các bên hoặc các cơ quan có liên quan hướng tới việc xây dựng các quy chuẩn và tiêu chuẩn nghề nghiệp được chấp thuận chung trong các lĩnh vực được chấp thuận chung, có thể bao gồm giáo dục; kiểm tra; kinh nghiệm; ứng xử và đạo đức; phát triển chuyên môn và tái chứng nhận; phạm vi hoạt động; kiến thức địa phương; và bảo vệ người tiêu dùng.

2.9. Chương 9. Di chuyển tạm thời về thể nhân (MNP)

Chương Di chuyển thể nhân đưa ra các cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân tham gia buôn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thực hiện đầu tư. Chương này và các lộ trình đính kèm đưa ra các cam kết đó (chẳng hạn như thời gian lưu trú) và bất kỳ điều kiện và giới hạn nào chi phối các cam kết đó. Chương này bao gồm các cam kết đối với khách kinh doanh, người chuyển giao trong nội bộ công ty và các đối tượng khác như được nêu rõ trong Biểu cam kết cụ thể của mỗi bên.

Chương này cũng thiết lập các quy tắc cho các bên trong việc cấp phép nhập cảnh và lưu trú tạm thời như vậy, bao gồm cả việc xử lý nhanh chóng các đơn đăng ký hoàn chỉnh và đảm bảo rằng bất kỳ khoản phí nào được áp dụng là hợp lý, theo nghĩa là chúng không thể hiện sự cản trở không chính đáng đối với việc di chuyển tạm thời của các thể nhân được quy định trong chương. Chương này cũng bao gồm các nghĩa vụ nâng cao tính minh bạch bao gồm công khai các tài liệu giải thích về tất cả các thủ tục nhập cảnh liên quan; duy trì các cơ chế để trả lời các câu hỏi về luật và quy định ảnh hưởng đến việc nhập cảnh và lưu trú tạm thời của các thể nhân, đồng thời tạo cơ hội để thảo luận hợp tác nhằm tạo thuận lợi hơn nữa cho việc nhập cảnh và tạm trú tạm thời.

2.10. Chương 10. Đầu tư

Chương Đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi trong khu vực. Chương này bao gồm các điều khoản bao quát cả bốn trụ cột của lĩnh vực đầu tư - bảo vệ, tự do hóa, thúc đẩy và tạo thuận lợi. Các điều khoản này nâng cấp và tăng cường từ các Hiệp định thương mại tự do hiện có của ASEAN+1. Chương này bao gồm một điều khoản về đối xử tối huệ quốc và các cam kết về việc cấm các yêu cầu về hoạt động vượt quá nghĩa vụ đa phương của họ theo Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMS) của WTO. Chương này cũng bao gồm Biểu các Biện pháp Bảo lưu và Biện pháp không tương thích để hỗ trợ cho các cam kết đầu tư của các Bên, bằng phương pháp tiếp cận “chọn-bỏ”, cùng với cơ chế “giữ nguyên hiện trạng” (standstill) và “chỉ tiến không lùi” (ratchet). Cuối cùng, Chương này đã về cải thiện các điều khoản về tạo thuận lợi đầu tư đồng thời giải quyết vấn đề chăm sóc nhà đầu tư, chẳng hạn như hỗ trợ giải quyết các khiếu nại và khiếu kiện có thể phát sinh. Hiệp định RCEP cũng bao gồm một chương trình làm việc tích hợp về các điều khoản giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước.

2.11. Chương 11. Sở hữu trí tuệ

Chương Sở hữu trí tuệ cung cấp cách tiếp cận cân bằng và bao quát để bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong khu vực. Ngoài việc nêu rõ các điều khoản liên quan đến việc hài hòa hóa các biện pháp bảo vệ đối với bộ tiêu chuẩn của quyền sở hữu trí tuệ, Chương này quy định việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ vượt ra ngoài cấp độ của Hiệp định WTO về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS), bao gồm các điều khoản liên quan đến các biện pháp bảo vệ công nghệ (TPMs) và thực thi trong môi trường kỹ thuật số, cũng như các thủ tục hình sự và hình phạt thích hợp đối với việc sao chép trái phép tác phẩm điện ảnh ở quy mô thương mại. Để hỗ trợ các chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ, Chương này cũng bao gồm các điều khoản nhằm quy chuẩn hóa và điều chỉnh các thủ tục để thiết lập một số quyền sở hữu trí tuệ nhất định, chẳng hạn như các thủ tục liên quan đến nộp đơn điện tử và cung cấp thông tin liên quan trực tuyến. Chương cũng khẳng định quyền

sử dụng đầy đủ các linh hoạt đã được công nhận hợp lệ trong Tuyên bố Doha về Hiệp định TRIPS và sức khỏe cộng đồng, đồng thời bao gồm các điều khoản liên quan đến nguồn gen, tri thức truyền thống và văn hóa dân gian.

2.12. Chương 12. Thương mại điện tử

Nhận thức được sự gia tăng số hóa trong thương mại, các bên đã đưa thêm vào Hiệp định một Chương về Thương mại điện tử (e-Commerce), nhằm mục đích thúc đẩy thương mại điện tử giữa các bên và việc sử dụng rộng rãi thương mại điện tử trên toàn cầu, đồng thời tăng cường sự hợp tác giữa các bên. Chương này đưa ra các điều khoản khuyến khích các bên cải thiện quy trình đăng ký và quản lý thương mại bằng cách sử dụng các phương tiện điện tử. Chương này yêu cầu các bên thông qua hoặc duy trì khuôn khổ pháp lý để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử, bao gồm bảo vệ thông tin cá nhân của người dùng thương mại điện tử và bảo vệ người tiêu dùng sử dụng thương mại điện tử. Chương Thương mại điện tử cũng giải quyết một số vấn đề liên quan đến cơ sở dữ liệu, thông qua các quy định về vị trí của các cơ sở xử lý dữ liệu và chuyển giao thông tin xuyên biên giới bằng các phương tiện điện tử. Các bên cũng nhất trí duy trì thông lệ hiện tại là không áp đặt thuế hải quan đối với các đường truyền điện tử, phù hợp với quyết định của Bộ trưởng WTO. Trong trường hợp có bất kỳ khác biệt nào trong việc giải thích và áp dụng Chương này, các Bên nhất trí rằng trước tiên sẽ thực hiện các cuộc tham vấn với thiện chí và nỗ lực hết sức để đạt được một giải pháp thỏa đáng cho cả hai bên. Chương này hiện không thuộc đối tượng điều chỉnh của Giải quyết tranh chấp và việc xem xét tổng thể Hiệp định RCEP sẽ cân nhắc việc áp dụng Giải quyết tranh chấp đối với chương này.

2.13. Chương 13. Cạnh tranh

Mục tiêu của Chương Cạnh tranh là thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế và phúc lợi của người tiêu dùng.

Chương này bao gồm các nghĩa vụ đối với các bên trong việc thông qua hoặc duy trì các luật và quy định về cạnh tranh ngăn cấm các hoạt động chống cạnh tranh, thiết lập hoặc duy trì các cơ quan có thẩm quyền để thực thi luật cạnh tranh của mình, đồng thời công nhận quyền chủ quyền của mỗi bên trong việc phát triển và thực thi các luật và chính sách cạnh tranh của riêng mình và cho phép loại trừ hoặc miễn trừ dựa trên cơ sở chính sách công hoặc lợi ích công.

Chương này quy định thêm về việc áp dụng các luật và quy định về cạnh tranh cho tất cả các chủ thể tham gia hoạt động thương mại.

Chương này cũng bao gồm các điều khoản về trao đổi thông tin và cho phép phối hợp hành động thực thi.

Chương này cũng cho phép các Bên thực hiện các hoạt động hợp tác kỹ thuật nhằm xây dựng năng lực cần thiết để củng cố việc xây dựng chính sách cạnh tranh và việc thực thi pháp luật cạnh tranh. Bảo vệ người tiêu dùng cũng được đề cập trong Chương này với các nghĩa vụ thông qua hoặc duy trì các luật và quy định trong nước để cấm các hành vi gây hiểu lầm, các mô tả sai hoặc dễ gây hiểu lầm trong thương mại; nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận các cơ chế khôi phục quyền lợi của người tiêu dùng và hợp tác trong các vấn đề có cùng mối quan tâm liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng. Không bên nào có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo chương này.

2.14. Chương 14. Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs)

Các bên thừa nhận rằng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bao gồm cả các doanh nghiệp siêu nhỏ, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, việc làm và đổi mới sáng tạo; từ đó tìm cách thúc đẩy chia sẻ thông tin và hợp tác nhằm tăng khả năng tận dụng và hưởng lợi của các doanh nghiệp vừa và nhỏ với các cơ hội do Hiệp định RCEP tạo ra. Chương này bắt buộc các bên thúc đẩy chia sẻ thông tin liên quan đến RCEP có tác động đến các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách thiết lập và duy trì một nền tảng thông tin có thể truy cập công khai, sẽ chứa toàn bộ văn kiện của Hiệp định RCEP, các luật và quy định liên quan đến thương mại và đầu tư phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, và các thông tin liên quan đến kinh doanh khác hữu ích cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để được hưởng lợi từ Hiệp định RCEP. Chương này cũng nhằm mục đích tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ, tiếp cận thị trường và đổi mới sáng tạo và một số lĩnh vực khác

2.15. Chương 15. Hợp tác kinh tế và kỹ thuật

Chương Hợp tác kinh tế và kỹ thuật cung cấp một khuôn khổ để hiện thực hóa khía cạnh phát triển của Hiệp định RCEP. Các bên nhất trí rằng hợp tác kinh tế và kỹ thuật trong khuôn khổ RCEP nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển và tối đa hóa lợi ích chung giữa các bên. Hợp tác kinh tế và kỹ thuật theo chương này sẽ hỗ trợ việc triển khai và tận dụng Hiệp định RCEP một cách toàn diện và hiệu quả. Các bên đã đồng ý tìm hiểu và thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế và kỹ thuật tập trung vào thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, cạnh tranh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, và một số lĩnh vực khác theo sự đồng thuận của các bên. Các hoạt động nâng cao năng lực và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các bên là nước đang phát triển và các bên ở nước kém phát triển nhất sẽ được ưu tiên nhằm nâng

cao nhận thức cộng đồng và tăng cường khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp.

2.16. Chương 16. Mua sắm công

Trong Hiệp định RCEP, các bên đã công nhận vai trò của mua sắm công trong việc thúc đẩy hội nhập kinh tế của khu vực nhằm thúc đẩy tăng trưởng và việc làm. Chương Mua sắm công không chỉ nhằm mục đích thúc đẩy tính minh bạch của luật pháp, quy định và thủ tục mà còn để phát triển sự hợp tác giữa các bên. Mỗi bên sẽ công bố thông tin về mua sắm công trong Phụ lục của Chương này phù hợp với mục tiêu thúc đẩy minh bạch trong mua sắm công. Chương này cũng bao gồm một điều khoản đánh giá nhằm cải thiện nội dung chương trong tương lai để tạo thuận lợi cho hoạt động mua sắm công. Không bên nào có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo chương này.

2.17. Chương 17. Các ngoại lệ và các điều khoản chung

Chương các ngoại lệ và các điều khoản chung bao gồm các điều khoản chung áp dụng trong phạm vi của Hiệp định RCEP. Các điều khoản chung này bao gồm các nghĩa vụ liên quan đến tính minh bạch đối với luật, quy định, thủ tục và quy định hành chính của mỗi bên áp dụng chung đối với các vấn đề được quy định trong Hiệp định RCEP. Chương này tạo ra một cơ chế xem xét và kháng nghị thích hợp đối với các thủ tục hành chính của mỗi bên và cung cấp bảo mật thông tin.

Chương này cũng thiết lập phạm vi địa lý áp dụng của Hiệp định RCEP; khẳng định quyền và trách nhiệm của các bên theo Công ước Đa dạng sinh học; cam kết các bên thực hiện các biện pháp thích hợp, theo luật và quy định của họ, để ngăn ngừa và chống tham nhũng liên quan đến các vấn đề được quy định trong Hiệp định RCEP.

Chương này quy định rằng quyết định về việc có phê duyệt hoặc chấp nhận một đề xuất đầu tư nước ngoài hay không và việc thực thi bất kỳ điều kiện hoặc yêu cầu nào đối với việc phê duyệt hoặc chấp nhận đó sẽ không phải là đối tượng giải quyết tranh chấp theo Hiệp định RCEP.

Với mục đích của các chương có liên quan, chương này lồng ghép vào Hiệp định RCEP các ngoại lệ chung có trong Điều XX của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại GATT 1994 và Điều XIV của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ GATS. Các bên cũng có thể thực hiện hành động hoặc các biện pháp mà họ cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu. Đối với các biện pháp đánh thuế, Hiệp định RCEP chỉ trao quyền hoặc áp đặt các nghĩa

vụ trong phạm vi Hiệp định WTO và điều khoản về chuyển giao trong chương đầu tư trao quyền hoặc áp đặt các nghĩa vụ đối với các biện pháp thuế quan đó.

Chương này cũng cho phép một bên áp dụng các biện pháp nhất định nếu họ có cán cân thanh toán bị thâm hụt nghiêm trọng và gặp khó khăn tài chính quốc tế hoặc bị đe dọa bởi các nguy cơ trên.

2.18. Chương 18. Các điều khoản về thể chế

Chương các điều khoản về thể chế thiết lập các cơ cấu tổ chức cho Hiệp định RCEP và khuôn mẫu cho các cuộc họp của các Bộ trưởng RCEP, Ủy ban hỗn hợp RCEP, 04 Ủy ban, cụ thể là về hàng hóa; dịch vụ và đầu tư; tăng trưởng bền vững và môi trường kinh doanh và các cơ quan trực thuộc khác do Ủy ban hỗn hợp RCEP thành lập. Ủy ban hỗn hợp RCEP được thành lập để xem xét mọi vấn đề liên quan đến việc thực thi và vận hành của Hiệp định RCEP. Ủy ban hỗn hợp RCEP cũng báo cáo lên các Bộ trưởng RCEP và nếu thích hợp, có thể chuyển các vấn đề lên các Bộ trưởng RCEP để được xem xét và quyết định.

2.19. Chương 19. Giải quyết tranh chấp

Chương giải quyết tranh chấp nhằm cung cấp các quy tắc và thủ tục hiệu quả và minh bạch để giải quyết các tranh chấp phát sinh trong khuôn khổ Hiệp định RCEP.

Các đặc điểm nổi bật của quy trình giải quyết tranh chấp của RCEP gồm:

(i) Lựa chọn diễn đàn: Các điều khoản cho phép bên khiếu nại được lựa chọn diễn đàn để giải quyết tranh chấp, cân nhắc đến các quyền và nghĩa vụ về cơ bản là tương đương trong Hiệp định RCEP và một hiệp định thương mại hoặc đầu tư quốc tế khác mà các bên trong tranh chấp là thành viên, loại trừ các diễn đàn có thể có khác;

(ii) Tham vấn: Các điều khoản yêu cầu bên bị khiếu nại trước tiên phải tham gia tham vấn với bên khiếu nại, nếu được yêu cầu;

(iii) Thương lượng, trung gian hoặc hòa giải: Các điều khoản cho phép các bên là bên tranh chấp tự nguyện thực hiện các phương pháp thay thế tự nguyện để giải quyết tranh chấp của họ;

(iv) Thành lập ban hội thẩm: Các điều khoản cho phép bên khiếu nại yêu cầu thành lập ban hội thẩm để giải quyết tranh chấp trong trường hợp bên bị khiếu nại không trả lời yêu cầu tham vấn hoặc không tham gia tham vấn trong thời hạn quy định, hoặc khi các cuộc tham vấn không giải quyết được tranh chấp trong thời hạn quy định;

(v) Quyền cho các bên thứ ba quan tâm: Các điều khoản cho phép các bên thứ ba quan tâm được tham gia vào các tranh chấp và quan điểm của họ sẽ được xem xét trong quá trình của ban hội thẩm.

Chương này cũng bao gồm các điều khoản chi tiết về chức năng của ban hội thẩm, thủ tục của ban hội thẩm, việc thực hiện báo cáo cuối cùng của ban hội thẩm, thủ tục đánh giá tuân thủ, bồi thường và tạm dừng nhượng bộ và một số nghĩa vụ khác. Một điều khoản quan trọng khác trong chương này là một điều khoản về đối xử đặc biệt và khác biệt liên quan đến các bên kém phát triển nhất, theo đó bên khiếu nại có nghĩa vụ kiểm chế thích đáng trong việc nêu ra các vấn đề theo chương này khi một bên là nước kém phát triển có liên quan.

2.20. Chương 20. Các điều khoản cuối cùng

Chương các điều khoản cuối cùng đưa ra mối quan hệ giữa Hiệp định RCEP và các hiệp định quốc tế khác, cơ chế rà soát chung, thủ tục sửa đổi Hiệp định và điều khoản gia nhập.

Hiệp định RCEP mở cửa cho bất kỳ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ hải quan riêng biệt nào gia nhập bắt đầu từ 18 tháng sau khi có hiệu lực, tuy nhiên Hiệp định này mở cửa cho phép Ấn Độ gia nhập với tư cách là quốc gia đàm phán ban đầu, ngay từ ngày Hiệp định có hiệu lực mà không cần đợi 18 tháng.

Chương này cũng chỉ định một cơ quan lưu chiểu cho Hiệp định RCEP sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc tiếp nhận và phổ biến các tài liệu cho từng quốc gia ký kết và quốc gia gia nhập hoặc lãnh thổ hải quan riêng biệt, bao gồm bất kỳ thông báo, yêu cầu gia nhập và các văn kiện chấp thuận, phê duyệt hoặc gia nhập.

Điều khoản về thời điểm có hiệu lực quy định rằng Hiệp định RCEP sẽ cần các quốc gia ký kết, bao gồm ít nhất 06 quốc gia ASEAN và 03 quốc gia không thuộc ASEAN, gửi văn kiện phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt để Hiệp định RCEP có hiệu lực.

3. Thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP).

3.1. Mục tiêu

Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các cơ quan, tổ chức liên quan, quyết định biện pháp chỉ đạo, điều hành và các biện pháp khác để triển khai thực hiện đầy đủ và có hiệu quả Hiệp định này.

3.2. Nhiệm vụ

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

3.2.1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định RCEP

- Phổ biến, tuyên truyền về Hiệp định RCEP và các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới để thực hiện Hiệp định RCEP cho các đối tượng liên quan, đặc biệt là các đối tượng có thể chịu tác động như: cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, hợp tác xã, cơ quan quản lý cấp trung ương và địa phương, các thành phần lao động khác thông qua các phương tiện truyền thông, trang thông tin điện tử, các ấn phẩm, tài liệu, các chương trình phát thanh và truyền hình, các lớp tập huấn, hội thảo, đối thoại nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực hiện hiệu quả Hiệp định RCEP.

- Chú trọng tập huấn cho các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước cũng như các doanh nghiệp về một số lĩnh vực chính như: Thuế, quy tắc xuất xứ, tiếp cận thị trường các nước tham gia Hiệp định RCEP, đầu tư, dịch vụ, hải quan, mua sắm của Chính phủ, phòng vệ thương mại, sở hữu trí tuệ... bảo đảm các doanh nghiệp và các cán bộ thuộc cơ quan quản lý nhà nước hiểu rõ, hiểu đúng, từ đó giúp việc tận dụng và thực hiện Hiệp định đầy đủ và hiệu quả.

- Thiết lập đầu mối thông tin về Hiệp định RCEP tại Bộ Công Thương để cung cấp thông tin, hướng dẫn, làm rõ các nội dung cam kết và các vấn đề liên quan đến Hiệp định.

- Củng cố mạng lưới, tăng cường năng lực và đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin, dự báo về các thị trường xuất, nhập khẩu, thị trường trong nước của các cơ quan nhà nước có chức năng cung cấp thông tin về thương mại - đầu tư để các doanh nghiệp Việt Nam có thể kịp thời nắm bắt các thông tin, yêu cầu về kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa của các nước tham gia Hiệp định RCEP, từ đó tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh trong nước và đầu tư ra nước ngoài.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông qua các hình thức phù hợp, đẩy mạnh sử dụng môi trường kỹ thuật số hoặc đăng tải tài liệu trên các trang thông tin điện tử của các cơ quan có thẩm quyền nhằm tăng khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tính tương tác, hiệu quả, tiết kiệm.

3.2.2. Công tác xây dựng pháp luật, thể chế

- Các bộ, ngành liên quan tiếp tục thực hiện rà soát pháp luật trong quá trình thực hiện Hiệp định và báo cáo Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật khác (nếu có) để phù hợp với yêu cầu của Hiệp định.

- Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành theo lộ trình đã quy định của Hiệp định RCEP. Trong trường hợp cần thiết để thực hiện các cam kết đúng thời hạn, áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo việc thực hiện cơ chế tham vấn, lấy ý kiến các đối tượng có liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật.

- Tiếp tục phối hợp với các nước thành viên Hiệp định RCEP để xây dựng, hoàn thiện các thiết chế cần thiết để thực hiện Hiệp định (như thành lập và hoạt động của Ủy ban hỗn hợp thực hiện Hiệp định RCEP, các Ủy ban chuyên môn...).

- Chỉ định và thông báo về cơ quan đầu mối của Việt Nam tham gia Ủy ban hỗn hợp thực hiện Hiệp định RCEP, các Ủy ban chuyên môn; cơ quan đầu mối về thông tin liên lạc giữa Việt Nam và các nước tham Hiệp định RCEP về mọi vấn đề của Hiệp định và thực hiện các nghĩa vụ thông báo theo Hiệp định; đàm phán kết nạp thành viên mới; và điều phối việc tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác nước ngoài trong quá trình thực hiện Hiệp định.

- Kiện toàn, củng cố các cơ quan phụ trách việc thực hiện Hiệp định RCEP tại các Bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước địa phương, đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội kết hợp với phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; phối hợp chặt chẽ với cơ quan đầu mối quốc gia về thực hiện Hiệp định, đảm bảo việc thực hiện hiệu quả và đầy đủ, đảm bảo giám sát chặt chẽ việc thực hiện cam kết của các đối tác cũng như theo sát tình hình xuất nhập khẩu để có biện pháp ứng phó kịp thời bảo vệ lợi ích của Việt Nam, phù hợp với các quy định của Hiệp định RCEP và luật pháp trong nước.

3.2.3. Nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng hiệu quả Hiệp định RCEP

- Xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, hợp tác xã, hộ nông dân phù hợp với các cam kết quốc tế; đồng thời, chuẩn bị những giải pháp ứng phó, chính sách hỗ trợ cho những ngành hàng chịu tác động lớn, trực tiếp từ việc thực hiện Hiệp định.

- Tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi số hóa, áp dụng khoa học kỹ thuật, mô hình sản xuất tiên tiến theo hướng nâng cao chất lượng

sản phẩm, bảo vệ môi trường, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại - đầu tư tại các nước tham gia Hiệp định RCEP nhằm thông tin cho cộng đồng doanh nghiệp các nước về cơ hội và lợi thế môi trường kinh doanh đầu tư của Việt Nam; tiếp tục hoàn thiện cơ chế khuyến khích, thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, qua đó phát triển quan hệ thương mại, thu hút nguồn vốn từ các nước thành viên Hiệp định RCEP vào những lĩnh vực trọng điểm; tận dụng công nghệ nguồn, công nghệ hiện đại, thành quả của cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ 4 nhằm tháo gỡ những nút thắt có thể gây cản trở một số ngành của Việt Nam trong việc tận dụng Hiệp định RCEP; đồng thời tiếp tục củng cố vị thế, vai trò và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

- Đào tạo kỹ năng chuyên sâu cho doanh nghiệp, nghiên cứu và khai thác thị trường thành viên; có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh doanh bền vững; thúc đẩy kết nối doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp từ các nước đối tác tham gia Hiệp định RCEP.

- Nâng cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp; thông qua các hiệp hội doanh nghiệp nắm bắt, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra, định hướng cho các Hiệp hội đổi mới văn hóa sản xuất, khởi nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

- Đánh giá thường xuyên những tác động của Hiệp định RCEP đối với các ngành sản xuất, cung cấp dịch vụ và đề xuất các biện pháp cụ thể trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành này.

3.2.4. Tiếp tục phối hợp với các nước thành viên Hiệp định RCEP thúc đẩy để Hiệp định RCEP sớm có hiệu lực với tất cả thành viên, phát huy vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác RCEP.

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Hiệp định RCEP				
	Tổ chức phổ biến về Hiệp định RCEP tới	Bộ Công	Các bộ, ngành, Đoàn	Các hội nghị,	Tron g quá trình

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
.1	các cơ quan quản lý Nhà nước cấp trung ương, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và người dân	Thương	Đàm phán Chính phủ, Sở Công Thương các tỉnh, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các hiệp hội doanh nghiệp	hội thảo	thực hiện Hiệp định tập trung giai đoạn 2022 -2024
.2	Tập huấn hoặc đào tạo chuyên sâu về Hiệp định RCEP cho các cơ quan quản lý Nhà nước cấp trung ương, địa phương	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, Đoàn Đàm phán Chính phủ, Sở Công Thương các tỉnh	Các khóa tập huấn hoặc khóa đào tạo	2022 -2024
.3	Tập huấn hoặc đào tạo chuyên sâu về Hiệp định RCEP cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ trong các lĩnh vực chính như tiếp cận thị trường, quy tắc xuất xứ, phát triển thị trường cho các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng và lợi thế, .v.v.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, Đoàn Đàm phán Chính phủ, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, Sở Công Thương các tỉnh, các hiệp hội doanh nghiệp	Các khóa tập huấn hoặc khóa đào tạo	Tron g quá trình thực hiện Hiệp định
.4	Xây dựng và xuất bản các ấn phẩm, tài liệu giới thiệu và nghiên cứu về Hiệp định RCEP và việc	Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và	Các bộ, ngành, Sở Công Thương, Các Hiệp hội ngành hàng,	Các bài viết, bài nói, sách tư liệu, phim,	Tron g quá trình thực hiện Hiệp định

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	tham gia của Việt Nam, định hướng dư luận xã hội tiếp cận tích cực với những thay đổi khi tham gia Hiệp định RCEP	Truyền thông	VCCI	phóng sự, ấn phẩm truyền.	
.5	Tăng cường cung cấp thông tin về các yêu cầu kỹ thuật, quy định, thực tiễn về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa và phòng vệ thương mại, đặc điểm địa bàn của các nước tham gia Hiệp định RCEP cho doanh nghiệp thông qua việc nâng cao năng lực hệ thống các thương vụ, trung tâm thông tin, trung tâm xúc tiến thương mại...	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, Đoàn Đàm phán Chính phủ, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài	Các bài viết, bài nói, ấn phẩm, số liệu	Trong quá trình thực hiện Hiệp định
.6	Thiết lập đầu mối thông tin về Hiệp định RCEP để cung cấp thông tin, hướng dẫn và làm rõ các nội dung cam kết và các vấn đề có liên quan đến Hiệp định RCEP	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2022
Xây dựng pháp luật, thể chế					
.1	Ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt ban hành theo đúng với lộ trình đã quy định của				

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
Hiệp định RCEP					
.1.1	Nghị định về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định RCEP	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành có liên quan	Nghị định	Năm 2022 áp dụng từ khi Hiệp định có hiệu lực
.1.2	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc Chỉ định và thông báo về cơ quan đầu mối của Việt Nam tham gia Ủy ban hỗn hợp thực hiện Hiệp định RCEP, các Ủy ban chuyên môn; cơ quan đầu mối về thông tin liên lạc giữa Việt Nam và các nước RCEP; đàm phán kết nạp thành viên mới; và điều phối việc tiếp nhận các hỗ trợ kỹ thuật từ các đối tác nước ngoài trong quá trình thực hiện Hiệp định.	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2022 áp dụng từ khi Hiệp định có hiệu lực
.1.3	Phối hợp với các nước thành viên Hiệp định RCEP để xây dựng, hoàn thiện các thiết chế cần thiết để thực hiện Hiệp định (như thành lập và hoạt động của Ủy ban hỗn hợp thực hiện Hiệp	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành liên quan	Tờ trình báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Năm 2022

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	định RCEP, các Ủy ban chuyên môn...)				
.1.4	Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định RCEP	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan	Thông tư	Năm 2022
.1.5	Thông tư hướng dẫn về lĩnh vực phòng vệ thương mại theo Hiệp định RCEP	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan	Thông tư	Năm 2022
.	Nâng cao năng lực cạnh tranh, tận dụng hiệu quả của Hiệp định RCEP				
.1	Xây dựng các chương trình phát triển thị trường, chương trình xúc tiến thương mại cho các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng và lợi thế của Việt Nam	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan, Sở Công Thương, VCCI, các hiệp hội doanh nghiệp	Các hội nghị, hội thảo, đối thoại	Trong quá trình thực hiện Hiệp định
.2	Tập trung cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo mô hình sản xuất tiên tiến, ứng dụng khoa học - công nghệ, an toàn, thân thiện với môi trường	Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Hiệp định
	Đẩy mạnh các	Bộ	Các bộ,	Các	Tron

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
.3	<p>Chương trình xúc tiến thương mại - đầu tư tại các nước RCEP nhằm thông tin cho cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài về cơ hội và lợi thế môi trường kinh doanh đầu tư của Việt Nam, qua đó phát triển quan hệ thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài vào những lĩnh vực trọng điểm của đất nước, đồng thời tiếp tục củng cố vị thế, vai trò và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.</p>	<p>Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>ngành có liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài</p>	<p>Chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, diễn đàn doanh nghiệp...</p>	<p>g quá trình thực hiện Hiệp định</p>
.4	<p>Thúc đẩy các sáng kiến hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, liên kết, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh doanh bền vững.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các bộ, ngành có liên quan</p>	<p>Các hội nghị, hội thảo, đối thoại</p>	<p>2022-2024</p>
.5	<p>Đánh giá định lượng những tác động của Hiệp định RCEP đối với các ngành sản xuất, cung cấp dịch vụ và đề xuất các biện pháp cụ thể trong việc nâng cao năng lực cạnh</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các bộ, ngành có liên quan</p>	<p>Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ</p>	<p>Năm 2022</p>

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
	tranh cho các ngành này				
.6	<p>Nâng cao vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp, thông qua các hiệp hội doanh nghiệp nắm bắt, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, định hướng cho các Hiệp hội đổi mới văn hóa sản xuất, khởi nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của các nước RCEP.</p>	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan	<p>Các chương trình tập huấn, tọa đàm, xây dựng năng lực cho các Hiệp hội</p>	<p>Trong quá trình thực hiện Hiệp định</p>
.7	<p>Thiết lập cơ chế tổng hợp, đánh giá và cảnh báo các thông tin cho cộng đồng doanh nghiệp và người tiêu dùng, trong đó tập trung vào các thông tin liên quan đến hành vi vi phạm quyền lợi người tiêu dùng và các cơ chế khắc phục sự cố của người tiêu dùng</p>	Bộ Công Thương	<p>Các bộ, ngành có liên quan, VCCI, các Hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</p>	<p>Các chương trình phối hợp, các thông tin, ấn phẩm</p>	<p>Trong quá trình thực hiện Hiệp định</p>

3.4. Tổ chức thực hiện

3.4.1. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ được phê duyệt tại Kế hoạch thực hiện này và căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện của bộ, ngành, địa phương.

3.4.2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai; định kỳ gửi báo cáo tới Bộ Công Thương để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện và kiến nghị các biện pháp cần thiết, bảo đảm việc thực hiện được hiệu quả và đồng bộ.

3.4.3. Bộ Công Thương chủ trì theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức đại diện doanh nghiệp triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3.4.4. Kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, ngành, địa phương, từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ, nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định. Các bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước, gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn./.
